

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 485/TM-BVN

Thái Bình, ngày 08 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất; Nhà cung cấp thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ khám bệnh, chữa bệnh năm 2024 – 2026, với nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Thái Bình;

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Kế hoạch tổng hợp; Địa chỉ email: p.khth.bvn@gmail.com.

- Địa chỉ: Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Tp Thái Bình

- Số điện thoại: 02273.643.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá.

- Gửi qua EMS hoặc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ Hoá chất, vật tư y tế - Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Nhi Thái Bình; Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình; Số điện thoại liên hệ: 02273.643.282. (Liên hệ hỗ trợ: Ds Mai; Tel: 0942.525.858).

- File mềm: gửi vào email: p.khth.bvn@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00, ngày 08 tháng 8 năm 2024 đến trước 17h00' ngày 22 tháng 8 năm 2024.

(Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 22/8/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế có thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng.

Chi tiết tại **Phụ lục 01** đính kèm thư mời báo giá này.



2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Bệnh viện Nhi Thái Bình (số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình)

3. Thời gian giao nhận hàng hoá: Giao hàng theo nhu cầu của Bệnh viện (Giao hàng theo từng đợt, trong vòng 5 – 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện, trừ trường hợp đặc biệt theo sự thoả thuận của hai bên).

4. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá theo *mẫu Phụ lục 02 đính kèm thư mời báo giá.*

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến việc lưu hành hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh (nếu có).

- Kèm theo kết quả trúng thầu của đơn vị trong vòng 12 tháng (nếu có) đối với các hàng hoá, dịch vụ tương tự mà đơn vị chào giá cho Bệnh viện,

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá.

Bệnh viện Nhi Thái Bình kính mời các Hãng sản xuất, Nhà cung vật tư, thiết bị y tế tại Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung cấp tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng./A (Anh)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Lương Đức Sơn



Phục lục 02: Mẫu báo giá đối với hàng hoá, hoá chất, vật tư y tế tiêu hao

(Kèm theo Thư mời số: 485 /TM-BVN, ngày 08 / 8 /2024 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

TÊN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 2024

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Thái Bình

Trên cơ sở Thư mời báo giá số: /TM-BVN, ngày .../.../2024 của Bệnh viện Nhi Thái Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá hàng hoá và dịch vụ liên quan.

STT yêu cầu báo giá	TT báo giá	Tên hàng hoá mời chào giá	Tên thương mại	Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTBYT A/B/C/D (nếu có)	GPNK/Số ĐK lưu hành (nếu có)	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá đã bao gồm VAT (VND)	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VND)	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (số QĐ)	Thành tiền (VND)
1																
....																
Tổng cộng																

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày tháng năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng..... năm

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM CHỮA, BỆNH NĂM 2024-2026



(Kèm theo Thư mời báo giá số: 485 /TM-BVN ngày 08 /8/2024 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
Nhóm 1. Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương						
1	N01.01.010	Bông mờ	kg	Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại mỡ. Bông y tế không thấm nước (chưa tiệt trùng) - nguyên liệu 100% sợi Bông. Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, Không mùi. Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp mịn, không xơ thừa.	50	
2	N01.01.020	Que lấy mẫu dịch họng	Que/cái	Tăm bông được sử dụng để lấy mẫu, nuôi cấy. Tăm bông chất liệu bông cotton, bề mặt mịn, thân que bằng gỗ, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc trong ống nhựa PP. Đã được tiệt trùng.	40.000	
3	N01.01.020	Que lấy mẫu dịch ty hầu	Que/cái	Phần que được làm chất liệu PP/ABS phần đầu tăm được làm bằng sợi nylon / Rayon/ Polyester chiều dài ≥ 150 mm đường kính thân que khoảng 2,5 mm đầu thu mẫu dài 20mm đường kính 1,8 mm ±1mm có khắc bercachs đầu lấy mẫu 80mm quy cách đóng gói đã tiệt trùng	180.000	
4	N01.01.020	Tăm bông lấy mẫu tiệt trùng	Que/cái	Tăm bông được sử dụng để lấy mẫu, nuôi cấy. Tăm bông chất liệu bông cotton, bề mặt mịn, thân que bằng nhựa , chiều dài 150 mm. Đã được tiệt trùng.	20.000	
Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương						
5	N02.01.010	Băng bó bột 10 x 360cm	Cuộn	Băng được cuộn, chiều dài 360cm chiều rộng 10cm. Băng được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng. Làm từ bột liên gạc, vỏ cuộn bột là túi nilon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3-6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng. đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	4.000	
6	N02.01.010	Bột bó 7,5cm x 2,7m	Cuộn	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao với mật độ sợi vải theo chiều dọc là : 9 sợi/ cm, chiều ngang là 6 sợi/cm. Màu: trắng. Tiệt trùng. Đóng gói: 1 cuộn/ túi, 12 cuộn/túi Kích thước 7,5 x270 mm. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm: Chiều rộng: 7,5cm. Chiều dài: 2.7m. Thời gian sử dụng của sản phẩm là 3 năm kể từ ngày tiệt trùng. Đạt TC ISO 13485:2016, EC	4.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
7	N02.01.010	Bột bó 15cm x 2,7m	Cuộn	Băng được cuộn, chiều dài 2,7m chiều rộng 15cm. Băng được làm bằng 97% thạch cao nguyên chất, chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng. Làm từ bột liền gạc, vỏ cuộn bột là túi nilon chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh có 2 cạnh phình to giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian nhúng nước 3-6 giây. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Bột đảm bảo độ mịn, độ cứng, không nứt gãy sau khi bó, không gây kích ứng da và cho tia X đi qua dễ dàng. đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	2.000	
8	N02.01.020	Băng thun các cỡ	cuộn	Băng vải màu trắng(sợi polyester, spandex và sợi bông). Trọng lượng 90±5 g/m ² .Độ co giãn ≥200%, Kích thước : 10cm x 4,5m	1.000	
9	N02.01.030	Băng thun có keo cố định khớp 8cm x 4.5m	cuộn	Chất liệu: Băng thun chất liệu cotton 100%, số sợi /10cm: 160x74, màu trắng. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Lớp giấy silicone bảo vệ. - Kích thước: 8cm x 4,5m - Tiêu chí đặc thù: Trọng lượng 140 ± 7g/m ² . Co giãn theo chiều dài, độ co giãn ≥ 90%. Chất phủ nền trọng lượng khối phủ 100-130 g/m ² , lực dính 2-9 N/cm	100	
10	N02.01.040	Băng cuộn 2.5m x 7cm	cuộn/cái	Kích thước: 7cm x 2.5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Không chứa chất dị ứng không có tinh bột Dextrin , không có sơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tốc độ hút nước =<5 giây. Độ ngậm nước >= 5gr nước /1gr gạc. chất tan trong nước 0,5%.Độ PH trung tính. Độ trắng >= 80% +/-10% . Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép . Hàm lượng chất béo không quá 0,5% iệt trùng bằng khí EO ga Độ lệch, mật độ sợi - Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). - Mật độ sợi: Trên một centimét vuông có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. Giới hạn can nối: Cuộn băng có thể là một mảnh hay hai mảnh nối lại với nhau, đường nối phải chắc. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5% Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 ISO 13485, GMP, CE, FDA, QCVN 01:2017/BCT.	3.000	
11	N02.01.040	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	Cuộn	Kích thước: 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Không chứa chất dị ứng không có tinh bột Dextrin , không có sơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tốc độ hút nước =<5 giây. Độ ngậm nước >= 5gr nước /1gr gạc. chất tan trong nước 0,5%.Độ PH trung tính. Độ trắng >= 80% +/-10% . Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép . Hàm lượng chất béo không quá 0,5% iệt trùng bằng khí EO ga Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 ISO 13485, GMP, CE, FDA, QCVN 01:2017/BCT.	7.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
12	N02.01.070	Băng vô trùng trong suốt có gạc băng vết thương có keo Acrylate 5cm x 7cm	cái/miếng	Nền băng vải Polyester, gạc trung tâm 100% Viscose phủ Polyetylen chống dính, lớp lót giấy nguyên sinh phủ Resin, các mép dính bằng keo Acrylic. Gạc dày 1,5mm, độ thấm hơi nước: 3500±500g/m ² /24h, lực dính: 13±3N/ 25mm, độ hấp thụ: 0,160g/cm ² /24h. Kích thước: (5x7)cm. Đóng gói tiết trùng từng miếng	7.000	
13	N02.01.070	Băng vô trùng cố định kim luôn, không thấm nước 53x 80mm	cái/miếng	Chất liệu : Lớp màng polyurethane (PU) trong suốt, nền keo Acrylate/Acrylic, độ dính tốt - Kích thước: (5,3 x 8)cm - Tiêu chí đặc thù: Hạn chế kích ứng da và không sót keo khi tháo băng. Mềm dẻo, co giãn theo sự đàn hồi của da. + Không thấm nước, chống vi khuẩn và virus, không đọng mồ hôi bên trong, dễ dàng theo dõi liên tục vùng tiêm, vùng cố định. + Không xé rách + Có miếng dán nhãn theo dõi thời gian + Đóng gói kín, từng miếng, được tiết trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ xé, có ghi hạn sử dụng.	6.000	
14	N02.01.070	Màng mô vô trùng có tấm IODE 60 x 45cm	cái/miếng	Màng mô tẩm iod vô trùng * Mạng film Polyurethane phủ Iod kháng khuẩn, ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. * Kích thước màng: 60cm x 45cm * Kích thước màng Iod: 60 cm x 45 cm *Thành phần: Polyurethane: 22.4% Acrylic acid: 20.2% Paper: 32% PeE 25.4% * Độ truyền hơi nước ≥500 g/m ² ·24h * Đóng gói ép chân không, vô trùng từng miếng Tiêu chuẩn ISO, CE	20	
15	N02.01.070	Băng sau phẫu thuật có gạc (9x15)cm	cái/miếng	Đóng gói vô trùng riêng từng miếng, bao bì plastic chống thấm nước. - Gạc màu trắng sợi vải không dệt, thấm hút tốt, không dính vào vết thương. - Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, bệnh nhân có thể tắm bình thường. - Kích thước 9cm x 15cm	20	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
16	N02.04.030	Keo phẫu thuật sinh học gắn dán và gia cố mô	Lọ/tub	<p>Chức năng/ công dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm - Chỉ định với mô tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày - ruột non, đại trực tràng), các bộ phận khác trong ổ bụng (tuyến tụy, lá lách, gan và mật) và trong định hình miếng phẫu thuật trong sửa chữa thoát vị <p>Chất liệu/ thành phần: Là loại protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%).</p> <p>Thể tích: 5ml</p> <p>Tiêu chuẩn đóng gói: được cung cấp tiệt trùng bao gồm 1 tuýp 5ml keo và 4 đầu bơm keo tiêu chuẩn</p> <p>Đặc điểm kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu được áp lực hơn 450mmHg - Có độ bền và độ bám dính tối ưu <p>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/ CE</p>	20	
17	N02.04.050	Sáp cầm máu xương	Lọ	Miếng sáp cầm máu xương . Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%)	20	
18	N02.04.050	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu	Lọ	<p>Vật Liệu cầm máu PAHACEL Standard dạng lưới mỏng, được sản xuất từ 100% vật liệu hữu cơ Oxy hóa Cellulose tái tổ hợp. Độ PH thấp (2,4) . Hàm lượng Carboxyl : 18,2 (Theo tiêu chuẩn USP hiện tại). Cầm máu nhanh trong vòng 2-3 phút, dễ bám dính vào vết thương và tự tiêu hoàn toàn sau 7 tới 14 ngày. Sợi vải màu trắng, hơi phai màu vàng nhẹ, mùi thơm caramel, sợi vải khô, có thể khâu hoặc cắt mà không bị sò, lưới mềm, dễ thao tác, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng. Có thể cắt, khâu sử dụng trong các phẫu thuật khác nhau.</p> <p>Đóng gói tiệt trùng bằng tia Gamma, kháng khuẩn tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 10 x 20cm - Tiêu chuẩn CE/ISO 	20	
19	N02.04.050	Bột cầm máu tự tiêu loại 3g	Gói	<p>Thành phần: Là polysaccharide có nguồn gốc từ thực vật, không chứa thành phần có nguồn gốc động vật hoặc con người.</p> <p>Đặc điểm: hấp thụ nước nhanh chóng từ máu làm nồng độ hồng cầu, tiểu cầu và protein đông máu tại vị trí chảy máu - hấp thụ trong cơ thể sau vài ngày - Tính tương thích sinh học cao và siêu ưa nước</p> <p>Chỉ định: Là vật liệu hỗ trợ cầm máu khi kiểm soát chảy máu mao mạch, tĩnh mạch hoặc tiểu động mạch - ngăn ngừa dính sau phẫu thuật</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: CE</p>	20	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
20	N02.03.020	Gạc meche 3.5cm x 75 cm x 6 lớp	Miếng	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. không có độc tố, đã được giặt sạch Không chứa chất dị ứng không có tinh bột Dextrin , không có sơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng Độ PH trung tính Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép Tiệt trùng bằng khí EO ga Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp	14.000	
21	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp Vô trùng	Miếng	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. không có độc tố, đã được giặt sạch Không chứa chất dị ứng không có tinh bột Dextrin , không có sơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tốc độ hút nước =<5 giây. Độ ngậm nước >= 5gr nước /1gr gạc. chất tan trong nước 0,5%.Độ PH trung tính. Độ trắng >= 80% +/-10% . Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép . Hàm lượng chất béo không quá 0,5% Tiệt trùng bằng khí EO ga Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 ISO 13485, GMP, CE, FDA, QCVN 01:2017/BCT. KT 10cmx10cmx12 lớp	260.000	
22	N02.03.020	Gạc phẫu thuật vô trùng 30 x40 cmx 8 lớp có cản quang	Miếng	Kích thước 30 x40 cmx 8 lớp có cản quang. Đóng gói bằng túi y tế chuyên dùng có tem chỉ thị màu phân biệt độ tiệt trùng của sản phẩm .dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất dị ứng không có tinh bột Dextrin , không có sơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tốc độ hút nước =<5 giây. Độ ngậm nước >= 5gr nước /1gr gạc. chất tan trong nước 0,5% .Độ PH trung tính. Độ trắng >= 80% +/-10% . Muối kim loại không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo không quá 0,5% có sợi cản quang để tránh sót gạc sau phẫu thuật, tiệt trùng bằng khí EO ga Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 ISO 13485, GMP,CE,FDE, QCVN 01:2017/BCT	3.000	
Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh						
23	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	Cái	Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014	5.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
24	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 50 ml	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hùi, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 	150.000	
25	N03.01.070	Bơm tiêm insulin 0,5 ml	cái	<ul style="list-style-type: none"> Bơm tiêm insulin thể tích 0.5ml bao gồm: piston, xilanh, giăng cao su, nắp cuối, nắp kim và đầu mũi kim. - Xilanh được làm từ vật liệu Polypropylene (PP), trong suốt, không chứa chất độc hại. - Piston được làm từ nhựa PP, đủ độ cứng để di chuyển và bề gãy cổ sau sử dụng. - Giăng: cao su y tế, đàn hồi tốt, không chứa chất độc hại. - Kim tiêm 30G x 8mm được sản xuất từ thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (TUV), CE 	3.000	
26	N03.01.070	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Cái	<ul style="list-style-type: none"> Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 25Gx1", 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 	150.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
27	N03.02.020	Kim cánh bướm các số	cái	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$.</p> <p>Có bầu cao su tiếp thuốc.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2018; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$.</p> <p>Có bầu cao su tiếp thuốc.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2018; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485</p>	150.000	
28	N03.02.030	Kim chích máu	cái	Dùng để lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu. Sản phẩm sử dụng một lần.	5.000	
29	N03.02.060	Kim tiêm các số 23G	Cái	Kim các số G18, G20, G23, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	230.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
30	N03.02.070	Kim luân tĩnh mạch an toàn trẻ em 22G	Cái	<p>Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau</p> <p>-Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa.</p> <p>- Cathether nhựa có 4 đường cân quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon.</p> <p>-Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền</p> <p>-Kim luân có cánh, không cửa, tốc độ dòng chảy 35 ml/ phút. Tốc độ chảy 2100 ml/giờ. Thể tích môi: 0,084ml</p> <p>- Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm</p> <p>- Cơ chế trào máu 2 thì giúp xác nhận lấy ven thành công</p> <p>- Thời gian lưu kim 72h</p> <p>-Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016</p> <p>- Khoảng cách từ đầu kim sắt đến đầu catheter < 1mm theo ISO 10555-5</p> <p>- Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam)</p> <p>- Chứng nhận 510k của FDA, Chứng nhận CE</p> <p>- Có tối thiểu 02 CFS của 02 nước khác nhau thuộc G7, EU</p>	8.000	
31	N03.02.070	Kim luân tĩnh mạch an toàn trẻ em 24G	Cái	<p>Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau</p> <p>Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa.</p> <p>Cathether nhựa có 4 đường cân quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon.</p> <p>Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền</p> <p>Kim luân có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ. Thể tích môi: 0,084ml</p> <p>Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm</p> <p>Cơ chế trào máu 2 thì giúp xác nhận lấy ven thành công</p> <p>Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016</p> <p>Chứng nhận EC</p> <p>Khoảng cách từ đầu kim sắt đến đầu catheter 1mm theo ISO 10555-5</p> <p>Bảng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam)</p> <p>Chứng nhận 510k của FDA</p> <p>Có tối thiểu 02 CFS của 02 nước khác nhau thuộc G7, EU</p>	230.000	
32	N03.02.080	Kim tiêm các số 18G	cái	Kim các số G18, G20, G23, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	780.000	
33	N03.02.080	Kim nha khoa dùng trong gây tê	cái	Chất liệu thép không gỉ kích thước 14cm	300	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
34	N03.03.010	Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ (số 22)	Cái	<p>Kim gây tê tủy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết kế chuôi kim cải tiến (cầm chắc hơn, cảm giác kim qua màng cứng rõ hơn). • Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch não tủy chảy ra (Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra). <p>+ Kim 20G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.9 mm (Gauge 20). + Kim 22G 1½: chiều dài: 40mm (1 ½ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). + Kim 22G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-2016, chứng chỉ CE châu Âu</p>	2.000	
35	N03.03.010	Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ (số 20)	Cái	<p>Kim gây tê tủy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết kế chuôi kim cải tiến (cầm chắc hơn, cảm giác kim qua màng cứng rõ hơn). • Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch não tủy chảy ra (Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra). <p>+ Kim 20G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.9 mm (Gauge 20). + Kim 22G 1½: chiều dài: 40mm (1 ½ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). + Kim 22G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-2016, chứng chỉ CE châu Âu</p>	100	
36	N03.03.020	Kim gốc động mạch chủ các số	Cái	Cannula gốc động mạch chủ cỡ 16G (5Fr); 18G (4 Fr) dài 14cm.	20	
37	N03.03.030	Kim chọc mạch số 20G	Cái	<p>Kim luồn loại không cánh không cửa. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene). Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp.</p> <p>Tiết trùng bằng phương pháp điện tử (R - Radura). Có cản quang</p>	500	
38	N03.03.070	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	Cái	<p>Kim gây tê tủy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết kế chuôi kim cải tiến (cầm chắc hơn, cảm giác kim qua màng cứng rõ hơn). • Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch não tủy chảy ra (Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra). <p>+ Kim 20G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.9 mm (Gauge 20). + Kim 22G 1½: chiều dài: 40mm (1 ½ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). + Kim 22G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-2016, chứng chỉ CE châu Âu</p>	4.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
39	N03.03.070	Kim luồn tĩnh mạch 20G	Cái	<p>Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh có công bơm thuốc bổ xung, dễ dàng mở nắp. - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min..- Đạt tiêu chuẩn - ISO 13485:2016 - FDA của cục dược phẩm Mỹ - FSC 	1.000	
40	N03.05.010	Dây truyền dịch các loại, các cỡ	Cái/Bộ/chiếc	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$.</p> <p>Có bầu cao su tiếp thuốc.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2018; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485</p>	80.000	
41	N03.05.010	Dây truyền dịch có công chữ Y	Cái/Bộ/chiếc	<p>Tiệt trùng bằng khí EO. Dây dài 175cm, đk 3,8-4,1mm, nguyên liệu PVC y tế cao cấp chống vụn xoắn. Kim 21G sắc, 1ml = 20 giọt. Bầu đếm giọt thể tích 10ml/5cm, có phin lọc, có cửa thoát khí. Bóng cao su đàn hồi tốt không bị chảy dịch khi tiêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC</p>	8.000	
42	N03.03.070	Dây truyền dịch	Cái/Bộ/chiếc	<p>Chiều dài dây 180cm. Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Chịu được áp lực đến 2 bar. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. Màng lọc dịch 15 μm. Đầu khóa vụn xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Bao bì thân thiện với môi trường theo 94/62/EC - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC 	200	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
43	N03.05.010	Dây truyền máu	Cái/Bộ/chiếc	Dây dài 180cm, bầu có 2 ngăn, ngăn trên có lưới lọc, kích thước mắt lưới lọc 200µm đảm bảo máu không bị vón cục khi truyền - Có chức năng đuổi khí tự động - Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Diện tích màng lọc 11cm ² - Đầu khóa vặn xoắn Spin Lock - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, chứng nhận CE	5.000	
44	N03.06.030	Găng Tay Không bột	Đôi	Chất liệu: cao su thiên nhiên, mật độ cao su đồng đều, đàn hồi tốt; phủ lớp polymer Kích thước : + Cỡ mô tả: size S, M, L + Độ dày từ 0,08 - 1mm Tiêu chí đặc thù: + Màu trắng đến vàng nhạt, không ngả màu, mùi cao su dễ chịu, không hôi nồng + Găng tay không phân biệt trái phải, không có nốt sần cục trên bề mặt găng, kéo không đục + Hàm lượng bột ≤ 2 mg/găng tay + Không có nốt sần cục trên bề mặt găng, kéo không đục + Lực kéo đứt, độ bền, độ giãn đạt tiêu chuẩn theo quy định trong TCVN + Đầu ngón tay có nhám, đường bao cổ tay có dạng vành cuộn, ôm sát cổ tay + Đóng gói 100 chiếc/hộp, có đánh dấu vị trí mở, có ghi hạn sử dụng, ghi rõ nhà sản xuất, xuất xứ, ngày sản xuất, hạn sử dụng và thể hiện được các tính năng của sản phẩm.	10.000	
45	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng đẹp 75mmx200m	cuộn	Túi chứa dụng cụ y tế tiệt trùng là các sản phẩm dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Kích thước 75mmx200mm. Chất liệu giấy y tế trọng lượng 70g/m ² độ dày 80µm±5 độ thấm khí 300-1000ml/min độ thấm nước bề mặt 9-30s/10mlQ. Màng film đa lớp độ dày 52µm khả năng chịu nhiệt 121-140 độ C	10	
46	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng đẹp 150mmx200 m	Cuộn	Túi chứa dụng cụ y tế tiệt trùng là các sản phẩm dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Kích thước 15 mmx200mm. Chất liệu giấy y tế trọng lượng 70g/m ² độ dày 80µm±5 độ thấm khí 300-1000ml/min độ thấm nước bề mặt 9-30s/10mlQ. Màng film đa lớp độ dày 52µm khả năng chịu nhiệt 121-140 độ C	48	
47	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng phòng 150mm x 100m	Cuộn	Túi ép phòng tiệt trùng 150mm x 100m. Độ dày lớp giấy: cấu tạo giấy chuyên dụng y tế 60,2 - 61 g/m. Độ dày lớp nylon: Cấu tạo gồm 2 lớp Polyester và Polypropylene	20	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
48	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng đẹp 200mmx200 m	Cuộn	Túi chứa dụng cụ y tế tiệt trùng là các sản phẩm dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Kích thước 200mmx200mm. Chất liệu giấy y tế trọng lượng 70g/m ² độ dày 80um±5 độ thấm khí 300-1000ml/min độ thấm nước bề mặt 9-30s/10mlQ. Màng fiml đa lớp độ dày 52um khả năng chịu nhiệt 121-140 độ C	50	
49	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng đẹp 300mmx200m	Cuộn	Túi chứa dụng cụ y tế tiệt trùng là các sản phẩm dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Kích thước 300mmx200mm. Chất liệu giấy y tế trọng lượng 70g/m ² độ dày 80um±5 độ thấm khí 300-1000ml/min độ thấm nước bề mặt 9-30s/10mlQ. Màng fiml đa lớp độ dày 52um khả năng chịu nhiệt 121-140 độ C	35	
50	N03.07.060	Casset huyền mô bệnh phẩm dạ dày	cái	Thiết kế một mảnh và chốt cài cho phép thao tác bằng một tay thuận tiện và giúp đóng lại nắp chắc chắn trong quá trình chế biến - Làm bằng vật liệu P.O.M (Polymer Acetal), 100% chống lại nhiệt độ và phản ứng hóa học của dung môi mô học - Với các lỗ hình chữ nhật có kích thước 5,0mm × 1,0mm (loại lỗ to), kích thước 0,9mm × 0,9mm (loại lỗ nhỏ). - Với hai khu vực ghi nhãn lớn trên các mặt của băng cassette và một mặt ghi nghiêng phía trước - Bề mặt viết trước 45 °, có thể thích ứng với hầu hết các máy in cassette.	5.000	
51	N03.07.060	Catset chuyển mô bệnh phẩm có nắp	Cái	Cát sét có nắp đậy, phần khoang được chia 4 ô có thể sử dụng cho 4 mẫu sinh thiết dạ dày khác nhau - Kích thước phù hợp với bộ kẹp mẫu vật của máy cắt bệnh phẩm Finesse 325 - Vật liệu: acetal polymer - Mặt viết mã số nghiêng 45 độ, có thể sử dụng với máy in mã số - Nắp kín, khít, có thể tháo rời - Có nhiều màu để dễ dàng phân loại mẫu (trắng, vàng, hồng, xanh) - Lỗ thoát dịch hình vuông, kích thước nhỏ đủ để không bị lọt mẫu sinh thiết bệnh phẩm, các góc bo đều, không làm rách găng tay khi thao tác	5.000	
52	N03.07.060	Túi nước tiểu 2000ml	cái /Bộ	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	5.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
53	N03.05.060	Khoá 3 chạc không dây	Cái/ chiếc	Khóa 3 đường phù hợp với các yêu cầu cần thiết của các tiêu chuẩn MDD 93/42/EEC. Có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bấm khi dừng chính xác tại mỗi vị trí để đảm bảo độ chính xác. Quay 360 độ. Có nắp, có vỏ và khóa xoay. Khi nén: lên tới 0.6kgf/ 15 giây Khí hydro tĩnh: lên tới 1.5kgf/5 phút Khối lượng khoảng không chết: ≤0.1ml Mô men xoắn: ≤0.15N.m. Tỷ lệ dòng chảy: ≥198ml/min. Tiệt trùng, không gây sốt. Đạt TC ISO 13485:2016, TC EC.	32.000	
54	N03.05.060	Khoá 3 chạc không dây	Cái/ chiếc	Chất liệu Polyamid, Không nứt gãy; không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo - Chịu được áp lực dưới 2 bar - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC Có tối thiểu 02 CFS của 02 nước khác nhau thuộc G7, EU	200	
55	N03.05.060	Chạc 3 có dây 25cm	Cái/ chiếc	Chất liệu Polyamid, không bị nứt gãy, không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo - Chịu được áp lực dưới 2 bar - Dây nối có đường kính trong 3 mm và đường kính ngoài 4.1 mm - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016. Chứng nhận EC Có tối thiểu 02 CFS của 02 nước khác nhau thuộc G7, EU	50	
56	N03.07.070	Lọ bệnh phẩm nhựa 50ml	Cái/ chiếc	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 60ml. *Kích thước: Chiều cao 63mm, đường kính 42mm. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 * Phân loại A, có phiếu tiếp nhận của Sở Y tế, có phiếu tiếp nhận đủ điều kiện sản xuất TTBYT	50.000	
57	N03.07.070	ống nghiệm nhựa có nắp	Cái	Ống nghiệm nhựa kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Nắp màu đỏ, không chứa hoá chất. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	70.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
58	N03.07.070	Ống chống đông Natricitrat 3,8%	ống	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, kích thước ống 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu tím phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Tripotassium (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm đã được hút chân không. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	68.000	
59	N03.07.070	Ống nghiệm lấy máu EDTA K2nắp cao su	Ống	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 13x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu xanh dương phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	100.000	
Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter						
60	N04.01.010	Canuyn chống thụt lưỡi	cái	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí ETO phù hợp với tiêu chuẩn ISO 11135:2007. Hạn sử dụng 5 năm.Đạt TC ISO 13485:2016, EC	50	
61	N04.01.010	Canuyn động mạch số 3.0	Cái	Cannulae động mạch mũi cong 135 độ, có lò xo xoắn tăng cường, chiều dài hiệu dụng 22cm, có thể kết với Connector (cút nối)	10	
62	N04.01.010	Canuyn động mạch số 3.5	Cái	Cannulae động mạch mũi cong 135 độ, có lò xo xoắn tăng cường, chiều dài hiệu dụng 22cm, có thể kết với Connector (cút nối)	10	
63	N04.01.010	Canuyn động mạch số 4.0	Cái	Cannulae động mạch mũi cong 135 độ, có lò xo xoắn tăng cường, chiều dài hiệu dụng 22cm, có thể kết với Connector (cút nối)	10	
64	N04.01.010	Canuyn động mạch số 4.5	Cái	Cannulae động mạch mũi cong 135 độ, có lò xo xoắn tăng cường, chiều dài hiệu dụng 22cm, có thể kết với Connector (cút nối)	10	
65	N04.01.010	Canuyn tĩnh mạch số 12	Cái	Cannulae tĩnh mạch một tầng, mũi cong 90 độ, có lò xo xoắn tăng cường, độ dài hiệu dụng 26cm. Đường kính 12Fr, 14Fr, 16Fr	30	
66	N04.01.010	Canuyn tĩnh mạch số 14	Cái	Cannulae tĩnh mạch một tầng, mũi cong 90 độ, có lò xo xoắn tăng cường, độ dài hiệu dụng 26cm. Đường kính 12Fr, 14Fr, 16Fr	20	
67	N04.01.010	Canuyn tĩnh mạch số 16	Cái	Cannulae tĩnh mạch một tầng, mũi cong 90 độ, có lò xo xoắn tăng cường, độ dài hiệu dụng 26cm. Đường kính 12Fr, 14Fr, 16Fr	10	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
68	N04.01.020	Canuyn mở khí quản các cỡ	chiếc/ cái	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5,0 đến 9,0. Đạt TC ISO 13485:2016 , EC	100	
69	N04.01.030	Ống nội khí quản số (không bóng) các số	cái	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, không bóng , van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 6.0. Đạt TC ISO 13485:2016 , TC EC	5.000	
70	N04.01.030	Ống nội khí quản có bóng các số	cái	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Đạt TC ISO 13485:2016 , TC EC.	6.000	
71	N04.01.070	Ống thông khí	cái /chiếc	Được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn	1.000	
72	N04.01.080	Gọng mũi CPAP các số	Cái	Chất liệu silicon mềm để sử dụng, không gây kích ứng da. Kết hợp với máy trợ thở. Đường kính ngoài OD: ≤ 4.4mm; phù hợp với trẻ nhỏ > 2.500g Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500	
73	N04.01.090	Sonde Foley 2 nhánh số 24	Cái	<p>Chất liệu 100% cao su tự nhiên, có phủ Dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân, không chứa DEHP gây ung thư, dị ứng, có sợi Chrom tăng cứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại: 2 nhánh - Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. - Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm. Xông 2 nhánh. - Lỗ thông tiểu tiêu lớn và trơn giúp thông tiểu dễ và nhanh hơn. Valve bơm bóng có lò xo: đảm bảo độ ổn định cả khi bơm và xả. Tráng silicon trong lòng ống giúp không bị tắc. - Van bằng cao su, mềm, bóng đồng tâm, đối xứng 	2.500	
74	N04.01.090	Thông foley 2 nhánh các số 6.0	Cái	<p>Đóng gói kín, từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có hạn sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu ống có 02 lỗ, đầu tip và sợi cân quan màu xám đen; - Bóng: Kích thước 3cc; cân đối, có khả năng đàn hồi, chất liệu không có chất DEHP. - Thân ống: <p>+ Đường kính trong 2.7mm; chiều dài: 30cm; chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon + Thành ống dày, chống gãy gập, không bị xẹp. xoắn vặn trong khi đang lưu ở người bệnh, - Có 02 nhánh, 01 nhánh có van cao su (van mềm), 01 nhánh có van nhựa (van cứng)</p>	50	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
75	N04.01.090	Thông foley 2 nhánh các số 8.0	Cái	Đóng gói kín, từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở bao, có hạn sử dụng. - Đầu ống có 02 lỗ, đầu tít và sợi cân quan màu xám đen; - Bóng: Kích thước 3cc; cân đối, có khả năng đàn hồi, chất liệu không có chất DEHP. - Thân ống: + Đường kính trong 2.7mm; chiều dài: 30cm; chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon + Thành ống dày, chống gãy gập, không bị xẹp, xoắn vặn trong khi đang lưu ở người bệnh, - Có 02 nhánh, 01 nhánh có van cao su (van mềm), 01 nhánh có van nhựa (van cứng)	50	
76	N04.02.020	Sonde dạ dày các số	Cái	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	60.000	
77	N04.02.060	Bộ hút đờm kín các số	bộ	Chất liệu: ống thông bằng nhựa PVC cao cấp, bề mặt được thiết kế nhám trở lực thấp, chống dính thành ống, chịu áp lực âm, không bị bẹp khi hút. Bao nylon bảo vệ sonde đảm bảo kín, mềm và có độ dai, màu trong để quan sát sonde bên trong.	400	
78	N04.02.060	Sonde hút nhớt không van kiểm soát các số	Cái	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE , TCVN 13398:2021.	150.000	
79	N04.02.070	Sonde nelaton các cỡ	Cái	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. Có các cỡ. TC ISO 13485:2016,	2.500	
80	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 2	Cái	Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 2.0 x 1.0mm	40	
81	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 3	Cái	Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 3.0 x 1.0mm	40	
82	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 4	Cái	Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 4.0 x 1.0mm	40	
83	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 5	Cái	Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 5.0 x 1.0mm	40	
84	N04.02.000	Ống dẫn lưu lồng ngực Silicone cỡ 6	Cái	Chất liệu silicone chiều dài 35-50 cm Đường kính 6.0 x 1.0mm	40	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
85	N04.03.030	Dây thở Oxy	cái	<p>Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO 	250	
86	N04.03.090	Dây nối bơm tiêm điện dài 75 cm	Cái	<p>Chất liệu: PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn, mềm dẻo, trong suốt, không bị xoắn gập.</p> <p>Kích thước: Dây dài 75cm, đường kính trong: 0.8 đến 0.9mm, đường kính ngoài: 1.8 đến 2mm, thể tích mỗi dịch 0.6ml</p> <p>Tiêu chí đặc thù: Có đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ, có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu (khóa kẹp chặn dòng tức thì), tốc độ 0,8 đến 1ml/m, áp lực 2 bar. Đóng gói kín, từng chiếc, được tiệt trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có ghi hạn sử dụng. Có chứng nhận FDA/CE (Châu Âu)</p>	500	
87	N04.03.090	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Cái	<p>Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock dạng xoay, dài 140cm, có khóa bảo vệ, ống chống xoắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích mỗi dịch 1ml, chịu áp lực tới 2 bar - Đường kính trong 0,9mm, Đường kính ngoài 1,9mm, tốc độ 0,9ml/m - Dây chất liệu PVC không Latex, không DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn mềm dẻo, trong suốt - Tiệt Trùng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, chứng nhận CE - Có tối thiểu 02 CFS của 02 nước khác nhau thuộc G7, EU hoặc Úc 	100.000	
88	N04.04.010	Catheter chẩn đoán loại Multi	cái	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng Multipurpose Chiều dài 80cm, 100cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi. 	60	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
89	N04.04.010	Catheter chẩn đoán loại Pigtail	cái	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng Pigtail Chiều dài 110cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi. 	60	
90	N04.04.010	Catheter chẩn đoán loại JR	cái	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng Jukin right. Chiều dài 100cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi. 	10	
91	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung ương 3 nòng, cỡ 5F (S513)	Bộ	<p>Kim dẫn đường sắc bén</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vụn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 5F, chiều dài 13cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20, G22, G22 - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ CE châu Âu 	500	
92	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, cỡ 4F (S408)	Bộ	<p>Kim dẫn đường sắc bén</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vụn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa - Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22, G22 - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ EC 	520	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
93	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng V720	Bộ	Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn Có dây điện cực để đo ECG .Theo tiêu chuẩn TUV Đức - ISO 13485-2012.	20	
94	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm rốn	Cái/Bộ	Catheter tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng- Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch Truyền, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và chế phẩm truyền máu , - Động mạch rốn lấy máu động mạch rốn, đo áp lực động mạch, đo PH và phân tích khí máu, truyền dịch và thuốc.Đóng gói 01 catheter chất liệu PVC dài 37cm cỡ 3.5Fr tốc độ truyền > 6ml/phút,	700	
95	N04.04.010	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm	Cái/Bộ	Chiều dài của Catheter từ 20cm + kích cỡ Catheter 28G + Chất liệu PUR(polyurethane) + Dùng cho trẻ sơ sinh dưới 1,5kg + có vạch đánh dấu trên catheter + có thước đo cm đánh dấu vị trí đặt	350	
Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật						
96	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi Corolene 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn 13mm 1/2C	sợi	Sợi không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0, chỉ màu xanh dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn RB-2 dài 13mm, độ cong của kim 1/2 đường tròn, hộp 12 sợi. Chỉ có độ trơn láng cao, mềm mại, dễ thao tác. Nút buộc chắc, an toàn do có sự biến dạng khi thắt nút	200	
97	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi Corolene 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn 10mm 3/8C	sợi	Sợi không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene - PROLENEL số 6/0, chỉ màu xanh dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn BV-1 dài 9.3mm, độ cong của kim 3/8 đường tròn, hộp 12 sợi. Chỉ có độ trơn láng cao, mềm mại, dễ thao tác. Nút buộc chắc, an toàn do có sự biến dạng khi thắt nút	150	
98	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi Corolene 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn 10mm 3/8C	sợi	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 8mm, 3/8C. Tép dạng dài coropak giảm nhớ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	200	
99	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi Corolene 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn 10mm 3/8C	sợi	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, số 8/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 6,4mm, 3/8C. Tép dạng dài coropak giảm nhớ hình. Tiêu chuẩn CE và FDA	200	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
100	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 6.0	sợi	Chỉ không tiêu Polypropylene số 6/0, sợi chỉ dài 90cm-màu xanh. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 22mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ chất lượng cao với bề mặt sợi chỉ mượt và mịn dễ dàng xuyên qua các tổ chức mô và có khả năng cố định vết thương lâu. Chỉ màu xanh lam và khả năng gây dị ứng rất thấp. Đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chứng chỉ ISO, EC, FDA.	150	
101	N05.02.030	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 7.0	sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn MultiPass BV175-8 bằng hợp kim Ethalloy, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	100	
102	N05.02.050	Chỉ tan chậm polydioxanone số 5/0	sợi	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp Polydioxanone số 5/0, chỉ dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 13mm, cong 1/2 vòng tròn. Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA.	500	
103	N05.02.050	Chỉ tan chậm polydioxanone số 6/0	sợi	Chỉ phẫu thuật tiêu tổng hợp Polydioxanone số 6/0, chỉ dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 13mm, cong 1/2 vòng tròn. Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA.	210	
104	N05.02.060	Chỉ Ethibond Excel 2.0	sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi tiết trùng Polyester được bao phủ bởi lớp vỏ bọc Polybutylate - ETHIBOND số 2/0, sợi chỉ màu xanh lá dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt V-5 dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn	1.000	
105	N05.02.060	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid 2-0	Sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglycolic acid, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Cỡ số 2/0, chiều dài sợi chỉ 70cm, kim cong 1/2 vòng tròn, kim tròn mũi tròn, kim dài 26mm. kim phủ silicon.Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	2.500	
106	N05.02.060	Chỉ tan đa sợi tổng hợp Polyglactin 910 số 2-0	Sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglactin 910, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Cỡ 2/0, chiều dài sợi chỉ 90cm, kim cong 1/2 vòng tròn, kim tròn mũi tròn, kim dài 30mm. kim phủ silicon.Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	2.800	
107	N05.02.060	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 3/0	Sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglactin 910, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Cỡ 3/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, kim cong 1/2 vòng tròn, kim tròn mũi tròn, kim dài 26mm. kim phủ silicon.Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	1.500	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
108	N05.02.060	Chi tiêu Tổng Hợp polyglactin 910 số 4.0	Sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglactin 910, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Cỡ 4/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, kim cong 1/2 vòng tròn, kim tròn mũi tròn, kim dài 20mm. kim phủ silicon. Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	6.000	
109	N05.02.060	Chi tiêu Tổng hợp polyglactin 910 số 5.0	Sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglactin 910, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Cỡ 5/0, chiều dài sợi chỉ 45cm, kim cong 1/2 vòng tròn, kim tròn mũi tròn, kim dài 16mm. kim phủ silicon. Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	4.000	
110	N05.02.090	Chi tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 3/0	Sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglycolic acid, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Cỡ số 3/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, kim cong 1/2 vòng tròn, kim tròn mũi tròn, kim dài 26mm. kim phủ silicon. Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	1.000	
111	N05.02.090	Chi tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 6/0	sợi	Là chỉ khâu phẫu thuật tổng hợp đa sợi bền, cấu tạo từ Polyglactin 910, tự tiêu tiết trùng. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Cỡ 6/0, chiều dài sợi chỉ 45cm, kim cong 3/8 vòng tròn, kim tam giác, kim dài 13mm. kim phủ silicon. Kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST	3.000	
112	N05.03.010	Bàn cực trung tính dùng 1 lần cho sơ sinh	Cái/ chiếc	Bàn cực trung tính cho dao mổ điện sử dụng một lần không dây, dùng cho trẻ em. Loại bipolar: Chồng bóng. Kiểu: Hai màng rời. - Bàn cực trung tính dùng 1 lần làm từ chất liệu: gồm 1 lớp gel/ nhôm và 1 lớp bột xốp PE. Kích thước của lớp Gel/ Nhôm là 14,68 x 7 cm Chiều dài x chiều rộng bàn cực khoảng: 14,7 x 8,9 cm. Áp dụng trẻ cân nặng: 5 kg - 15 kg Dùng tương thích với dao điện cao tần	200	
113	N05.03.070	Lưỡi dao cắt tiêu bản (dùng trong máy cắt giải phẫu bệnh)	Hộp	Lưỡi dao cắt loại lowprofile, Làm bằng thép không rỉ, kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 35 độ, Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, cắt lạnh, cắt mỏng), được sử dụng hàng ngày với độ sắc lưỡi dao ổn định. - Sử dụng được cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản. - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Hộp 50 cái	10	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
114	N05.03.080	Lưỡi dao mổ các số	Cái	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đóng gói 1x100 cái/hộp. TC ISO 13485:2016.	8.500	
115	N05.02.070	Chỉ thép các số 1	Tép	Chỉ thép khâu xương ức số 1, dài 45cm, kim tròn đầu cắt phủ silicone 1/2 vòng tròn dài 37mm, mỗi gói 4 sợi, chất liệu thép không gỉ 316L, đàn hồi, độ sắc cao. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	12	
116	N05.02.070	Chỉ thép các số 2	Tép	Chỉ thép số 2, chất liệu là thép không gỉ 316L, sợi dài 45cm, thẳng, kim tam giác ngược GS-12 dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn	12	
117	N05.02.070	Chỉ thép các số 4	Tép	Chỉ thép khâu xương ức số 4 bằng thép không gỉ dài 45cm, 1 kim tròn đầu cắt V-40 dài 48mm, 1/2 Vòng tròn, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa. Hộp 12 tép, tép 4 sợi, đóng gói thẳng	12	
118	N05.02.070	Chỉ điện cực tim	Tép	Chỉ điện cực tim số 3/0, mỗi gói 2 sợi xanh trắng, 1 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, 1 kim thẳng dài 51mm. Kim phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	80	
119	N05.03.060	Lưỡi cưa xương ức các cỡ	Cái	Lưỡi cưa thường được làm từ thép trắng chất lượng cao, với phần răng cưa được tôi cứng để tăng độ bền và hiệu quả cắt.	20	
120	N05.02.030	Chỉ PTFE số 2/0	sợi	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; loại 2 kim, kim 1/2, chiều dài kim 17mm; đường kính kim 0,51 mm; cỡ 2/0.	100	
121	N05.02.030	Chỉ PTFE số 3/0	sợi	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; loại 2 kim, kim 3/8, chiều dài kim 13mm; đường kính kim 0,33 mm; cỡ 3/0.	100	
122	N05.02.030	Chỉ PTFE số 4/0	sợi	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; 2 kim, loại kim 3/8, chiều dài kim 13mm; đường kính kim 0,33 mm; cỡ 4/0.	100	
123	N05.02.030	Chỉ PTFE số 5/0	sợi	Chỉ khâu không tiêu, vật liệu pPTFE; chiều dài chỉ 75 cm; 2 kim, loại kim 3/8, chiều dài kim 13mm; đường kính kim 0,24 mm; cỡ 5/0.	100	
124	N05.02.030	Chỉ phẫu thuật SILK 3/0	sợi	Chỉ silk không tan tự nhiên đa sợi 3/0, không kim, 13 sợi, dài 60cm.	36	
125	N05.02.030	Chỉ phẫu thuật SILK 4/0	sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính chỉ 4/0, dài 75cm, màu đen, phủ wax/silicon Kim làm bằng Thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420), kim Premium, công nghệ U-filo, phủ silicon. Kim đầu tam giác, dài 18mm, cong 3/8C	36	
126	N05.02.030	Chỉ silicon cặp mạch máu cỡ 3mm x 200 mm	Cặp	Chất liệu 100% silicon y tế thiết kế được bằng bạch kim, Kích thước: 2,4mm x 1,15mm, chiều dài :200 mm	20	
127	N05.02.030	Chỉ silicon cặp mạch máu cỡ 2mm x 200 mm	Cặp	Chất liệu 100% silicon y tế thiết kế được bằng bạch kim, Kích thước: 1,3mm x 0,9mm, chiều dài :200 mm	20	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
128	N05.02.030	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene số 5.0	Sợi	Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chi bền chắc và mượt mà. Sợi chi số 5-0, dài 75cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-1, dài 9mm, kim cong 3/8vòng tròn, loại kim SURGALLOY độ đàn hồi cao, được phủ sắc bén theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình	200	
129	N05.02.030	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene số 6.0	Sợi	Chi không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chi bền chắc và mượt mà. Sợi chi số 6-0, dài 60cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-351, dài 8mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim surgalloy linh hoạt, được phủ sắc bén theo công nghệ Nucoat. Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình	200	
130	N05.03.060	Lưới bào, lưới cắt, dao cắt sụn, lưới đốt dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao)	Cái	Sử dụng công nghệ Plasma nhiệt độ thấp giúp giảm tối đa tổn thương mô - Độ chính xác của lớp Plasma tập trung vào điện cực 100 micromet - Nhiệt độ hoạt động: 40°C - 70°C - Chiều dài: 125mm - đường kính đầu: 5.0mm; 4.3mm; - Góc đầu: 130-140 độ - Tích hợp đồng máu lưỡng cực tích hợp giúp cầm máu hiệu quả. - Đầu kết nối với máy thiết kế 8 - pin - Tần số: 100kHz ± 10kHz - Điện năng: 65V-330V - Thiết kế đầu bề mặt lưới bào 3 dây giúp thao tác nhanh trong quá trình phẫu thuật, tích hợp chế độ hút trong quá trình cắt bỏ Chi định được khuyến nghị - Amidan và vòm họng phì đại - OSAS do amidan quá phát - Viêm xoang mạn tính loại I (Giai đoạn 1/2) và Loại II (Giai đoạn 1/2) - U nang xoang - Khối u xoang ác tính Tương thích với máy cắt đốt RFS-100A	800	
Nhóm 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo						

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
131	N06.05.040	Miếng vá sinh học, vá tim, vá mạch máu cỡ 4x6cm	Miếng	<p>Chất liệu: màng ngoài tim bò</p> <p>- Chỉ định: để tái tạo mạch máu và thủ thuật cắt bỏ nội mạc mạch. Sử dụng công nghệ mô tương tự để hoàn thiện cho van tim</p> <p>Đặc điểm: Tương thích sinh J140 Độ bền kéo và khả năng duy trì độ chắc chắn của chi khâu tuyệt H141 Không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt, Độ dày Collagen đồng nhất, Cắt dễ dàng để có hình dạng kích thước mong muốn.</p> <p>- Độ dày 0,35mm-0,75mm. Cỡ 4x6cm</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA</p>	10	
132	N06.05.040	Miếng vá màng tim bò cỡ 7x7 (Miếng vá sinh học, vá tim)	Miếng	<p>Chất liệu bằng màng tim bò chất lượng cao. Độ dày collagen đồng X56 độ bền kéo đặc biệt, không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt.</p> <p>- Kích thước miếng vá 7x7cm</p> <p>- Độ dày từ khoảng 0,25mm đến 0,4mm</p>	20	
133	N06.05.040	Miếng vá nhân tạo 4x5 cm	Miếng	Miếng vá nhân tạo kích thước 4x5cm, chất liệu polyester-urethane, lớp phủ chống thấm tính đàn hồi cao.	10	
Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa						
134	N07.01.110	Bộ mở đường vào mạch máu cỡ Sheath 4F	Bộ	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu thiết kế với 2 dạng khóa: Khóa vít và khóa đẩy. Đường kính: 4Fr. Chiều dài Introducer là 7cm. Kim chọc 21G dài 4cm. Đường kính dây dẫn 0.021" làm bằng thép không gỉ có đầu thẳng dài 80cm.	50	
135	N07.01.110	Bộ mở đường vào mạch máu cỡ Sheath 5F	Bộ	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu thiết kế với 2 dạng khóa: Khóa vít và khóa đẩy. Đường kính: 5Fr. Chiều dài Introducer là 7cm, 11cm. Kim chọc 21G dài 4cm. Đường kính dây dẫn 0.021" làm bằng thép không gỉ có đầu thẳng dài 50cm và 80cm.	20	
136	N07.01.110	Bộ mở đường vào mạch máu cỡ Sheath 6F	Bộ	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu thiết kế với 2 dạng khóa: Khóa vít và khóa đẩy. Đường kính: 6Fr. Chiều dài Introducer là 7cm. Kim chọc 21G dài 4cm. Đường kính dây dẫn 0.021" làm bằng thép không gỉ có đầu thẳng dài 80cm.	50	
137	N07.01.190	Bộ thả dù các loại, các cỡ	Bộ	Bộ dụng cụ bung dù. Thiết kế đặc biệt để đẩy dụng cụ bit ống động mạch, lỗ thông liên thất, thông liên nhĩ. Thiết kế vỏ tăng cường polymer giúp tăng khả năng kháng xoắn thông qua một lớp bên làm bằng thép không gỉ. Lớp vỏ bọc PTFE giảm ma sát cho phép thiết bị mềm mịn và dễ kiểm soát. Đầu mềm, điểm chặn bức xạ được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ tổn thương mạch và hình dung của vị trí. Kích thước, thông số kỹ thuật: 4F,5F,6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 13F.	30	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
138	N07.01.190	Bộ thả dù thông liên nhĩ cho dù thông liên nhĩ có cấu tạo dạng lưới các cỡ	Bộ	Bộ dụng cụ bung dù tương thích với dù bít thông liên nhĩ. Thiết kế vỏ tăng cường polymer giúp tăng khả năng kháng xoắn thông qua một lớp bên làm bằng thép không gỉ. Lớp vỏ bọc PTFE giảm ma sát cho phép thiết bị mềm mịn và dễ kiểm soát. Đầu mềm, điem chấn bức xạ được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ tổn thương mạch và hình dung của vị trí. Kích thước, thông số kỹ thuật: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 13F, đầu cong 45 độ, chiều dài 60cm hoặc 80cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE; Tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) đối với size từ 6F đến 12F.	20	
139	N07.01.240	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ các cỡ	Bộ	Bóng đo đường kính. Thiết kế bóng gồm 3 lumen để đo cấu trúc tim mạch. Vật liệu bóng tương thích hỗ trợ bơm áp suất thấp và cho phép đo chính xác của một loạt các hình dạng lỗ hồng khi sử dụng kỹ thuật ngưng dòng chảy. Ba băng tần đánh dấu điem chấn bức xạ chiến lược trong việc hỗ trợ liên kết của hình ảnh và hỗ trợ hiệu chỉnh kích thước thích hợp X-Quang và echocardiographically. Đầu mềm và trực linh hoạt đưa vào trơn, không gây tổn thương giúp định vị quả bóng. Màng siêu dày không cần phải có sự giãn nở; bóng có thể được đưa vào từ dây dẫn. Kích thước, thông số kỹ thuật: 18mm, 24mm, 34mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE và FDA (Hoa Kỳ)	20	
140	N07.01.250	Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Dây nối áp lực cao được dùng để kết nối các đường ống và thiết bị, giúp cung cấp đường dẫn chất lỏng và theo dõi áp lực xâm lấn máu trong thủ thuật can thiệp - Khả năng chịu áp lực cao: 1200psi; chất liệu trong suốt, có thể nhìn được dòng chảy - Có hai loại: đan bên ống và không đan bên ống. Chiều dài dây 20, 60, 90, 120, 150cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE 	30	
141	N07.01.270	Dây dẫn ái nước chẩn đoán 0,035 đầu cong 150cm phủ lớp M coatang	cái	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035" 	30	
142	N07.01.270	Dây dẫn ái nước chẩn đoán 0.035mm đầu thẳng 150cm	Cái	Chất liệu Nitinol, phủ lớp Hydrophilic. Đường kính: 0.035" (0.89mm). Chiều dài 150cm. Cấu hình đầu tip: góc cạnh. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.	30	
143	N07.01.270	Dây dẫn đường (Guidewire) Của thông IJ	Cái	Dây để dẫn đường và đưa sonde JJ vào vị trí bể thận và bàng quang	30	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
144	N07.01.270	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh (9GW)	bộ	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh. Thiết kế đặc biệt và đã được kiểm nghiệm cho dụng cụ bít AMPLATZER. PTFE tráng với lõi thép không gỉ, thân siêu cứng. Kích thước, thông số kỹ thuật: 7.5 mm J-Tip, 1.5mm J-tip, 6mm J-tip. Đường kính trong 0.035 inch với chiều dài 260cm hoặc 300cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE và FDA (Hoa Kỳ)	50	
145	N07.01.280	Dù amplatzer, dù dạng lưới kim loại tự nở các loại, các cỡ (Dù đóng còn ống động mạch các loại, các cỡ)	Cái/ bộ	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còn ống động mạch. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester. Tỷ lệ đóng 98.4% ở mức 6 tháng. Kích cỡ đa dạng: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14mm	15	
146	N07.01.280	Dù amplatzer, dù dạng lưới kim loại tự nở các loại, các cỡ (Dù đóng còn ống động mạch Tuỷ II các loại, các cỡ)	Cái/ bộ	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còn ống động mạch (PDA2). Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Sáu chiếc cánh của dù bít tạo ra vùng phủ sóng cắt ngang dây dù được thiết kế để nhanh chóng, đóng lỗ hoàn toàn. Kích thước: 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6mm.	15	
147	N07.01.280	Dù amplatzer, dù dạng lưới kim loại tự nở các loại, các cỡ (Dù đóng thông liên nhĩ cấu tạo dạng lưới các cỡ)	Cái/ bộ	Thiết bị đĩa đôi tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông liên nhĩ. Phần eo tự định tâm lấp đầy khiếm khuyết. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester giúp đóng lỗ và tăng tốc độ phát triển mô. An toàn và hiệu quả: tỷ lệ đóng lỗ 97.2% trong 6 tháng. Kích cỡ đa dạng: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,22,24,26,28,30,32,34,36,38, 40mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE và ARTG (ÚC), tiêu chuẩn FDA (Hoa Kỳ) từ size 4mm-38mm.	20	
148	N07.01.211	Phôi nhân tạo các cỡ (phôi tích hợp lọc động mạch các cỡ)	Bộ	Phôi nhân tạo phủ lớp chống kết dính tiểu cầu và giảm các phản ứng huyết tương, diện tích màng trao đổi 0.5m ² ; tích hợp phin lọc động mạch lỗ cỡ 32 Micron 1. Chất liệu màng lọc: Polypropylene có lỗ siêu nhỏ (Micropous Polypropylene) 2. Diện tích màng lọc: 0.5m ² . 3. Phin lọc động mạch: chất liệu Polyester, lỗ cỡ 32 4. Lớp phủ bề mặt sinh học: Xcoating 5. Cấu trúc màng lọc sợi rỗng (Hollow fiber) 6. Chất liệu trao đổi nhiệt: Thép không gỉ (Stainless Steel) 7. Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0.035m ² 8. Diện tích bề mặt phin lọc động mạch: 130cm ² 9. Lưu lượng máu tối đa: 1.5 lít/phút 10. Thể tích mỗi tĩnh: 43ml 11. Dung tích bình dự trữ: 1.000ml. 12. Thể tích tối thiểu của bình dự trữ đảm bảo để vận hành: 15ml 13. Bộ phận lọc tĩnh mạch: Polyester Screen. lỗ cỡ 47micron 14. Áp lực âm tối đa trong bình dự trữ: -150mmHg	20	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
149	N07.01.211	Bộ dây dẫn máu các cỡ	Bộ	Phẫu thuật gồm: 4 đoạn dây PVC, trên các đoạn dây có các đầu nối thẳng, có đầu hút dịch đi kèm. Dùng trên bơm gồm: 3 khóa ống 4 chiều và 9 đoạn dây. Kết nối gồm: 9 đầu kết nối. Lọc động mạch gồm: đầu kết nối chữ Y, các đoạn dây PVC, 1 đầu chữ Y có nắp bịt. Mỗi dịch gồm: đoạn dây PVC dài 158" kích thước 1/4 x 1/16.	20	
150	N07.01.211	Bộ dây truyền dung dịch liệt tim	Bộ	Gồm 1 đầu cắm vào túi dịch liệt tim, dẫn dung dịch liệt tim vào bầu lọc. 1 đoạn dây đầu vào bầu lọc nửa để đuổi khí. Đầu ra của bầu lọc là 1 đoạn dây có 1 khóa nhựa trên dây. Trống đo áp lực nối 2 đầu ra vào bởi 2 đoạn dây 1/8", trên đoạn dây này có 1 khóa 3 chạc.	20	
151	N07.01.211	Quả lọc máu / Quả lọc nước HC05/DHF02 các cỡ	cái / chiếc / Bộ	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone, có tính tương thích sinh học cao. Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. Diện tích bề mặt: 0.25m ² Thể tích dịch môi (Circuit): 45ml Áp lực tối đa: 66kPa Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải.	20	
152	N07.01.240	Bóp bóng áp lực để đo huyết áp động mạch xâm nhập	cái	Bóp bóng áp lực để đo huyết áp động mạch xâm nhập	50	
153	N07.01.500	Phim X-quang cận chóp rửa nhanh	hộp	Phim X-quang (phim quanh chóp răng) cho phép thấy được các bệnh lý về răng	5	
154	N07.01.500	Phim khô laser 20x25cm (8x10)	Tờ	Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 20*25 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	200.000	
155	N07.01.500	Phim khô laser 35x43cm (14x17)	Tờ	Phim X-quang laser kích thước 35*43 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	8.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
156	N07.03.190	Ống dẫn lưu (drain)	cái	Chất liệu tráng silicon Kích thước 5 ID x7 OD mm Mài đầu có lỗ Đầu bo tròn nhẵn, không gây dị ứng Đảm bảo vô khuẩn	500	
157	N07.03.240	Điện cực máy điện não (máy monitor)	cái	sản phẩm tương đương với sản phẩm của hãng sản xuất Nihon Konden	4	
158	N07.03.240	Điện cực tai	cái	sản phẩm tương đương với sản phẩm của hãng sản xuất Nihon Konden	10	
159	N07.05.020	Ống thông niệu quản các số (Thông JJ)	cái	Sonde JJ gồm : - Ống thông: chất liệu polyurethane (PU) mềm màu trắng, có khả năng chống xoắn cao, vạch chỉ thị độ sâu màu đen, có cán quang - Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 40-100cm, đường kính khoảng 1mm, có chỉ ở đầu dưới JJ - Kẹp màu chất liệu nhựa PC - Dây dẫn đường Guidewire 0,018''x 150cm, chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. * Kích cỡ: 3Fr, 4Fr dài 12cm -22 cm * Được tiệt trùng	45	
160	N07.06.040	Đinh xương đùi các số	cái	Băng thép không gỉ	50	
161	N07.06.040	Đinh kít ne đường kính các cỡ	Cái	Đinh Kisner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính đinh từ 1.0mm - 3.0 mm. Chiều dài đinh các cỡ kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	500	
162	N07.06.040	Đinh rush đường kính các cỡ	cái	Đinh Rush các cỡ 3.2mm, 4.0mm, 4.8mm Chất liệu: Titanium	100	
163	N07.06.050	Nẹp bản hẹp 6 lỗ	cái	Băng thép không gỉ	100	
164	N07.01.211	Phin lọc động mạch(Filter)	Cái	Phin lọc động mạch trẻ nhỏ/ trẻ lớn • Chất liệu: Polyester • Diện tích lỗ lọc: 32 micron/37 micron • Lưu lượng tối đa: 2.5ml/phút; 7 ml/phút • Thể tích mỗi máu: 40ml/ 125ml • Lớp phủ bề mặt sinh học: Xcoating	20	
Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác						

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
165	N08.00.050	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Gói/cái	Nguyên liệu: được làm từ ống nylon, fi 18cm, màu trắng trong Kích thước fi 18x 230cm, có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cm x 14cm, có dây bằng cotton. Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Đạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	3.000	
166	N08.00.050	Túi đựng điện cực thấm nước cho máy điện xung điện phân 65x70 mm	Cặp	Túi đựng điện cực thấm nước KT 60x75cm	200	
167	N08.00.050	Túi đựng điện cực thấm nước cho máy điện xung điện phân 50x50 mm	Cặp	Túi đựng điện cực thấm nước KT 50x50cm	200	
168	N08.00.160	Đầu đo huyết áp dùng 1 lần	chiếc/bộ	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường 1DT-XX bằng PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. Có 2 đoạn dây chính dài 60inch/06 inch hoặc 12inch và 1 đoạn dây phụ 60inch, phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch), 2 khóa 3 ngã - áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5µv/v/mmHg. - Tốc độ dòng thấp (3ml/hr; 30ml/hr). Tốc độ dòng cao (125ml/phút) - Nhiệt độ hoạt động từ 150C đến 400C - Trở kháng kích thích: >200 ohms - Trở kháng tín hiệu đầu ra: <3000 ohms - Đối xứng đầu dò: ±5% - Lệch vị trí số không (Cân bằng Zero) :± 40mmHg - Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg, tùy theo giá trị nào lớn hơn trong phạm vi hoạt động *Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, ISO."	1.500	
169	N08.00.160	Đầu đo cảm biến SPO2	cái	Chất liệu không chứa cao su tiêu chí đặc thù độ chính xác khi đo SPO2 (70-100)±2% khi cử động ±3% khi chỉ số tưới máu thấp ±3% Cảm biến đo SPO2 dùng 1 lần tương thích với máy Nihonkoden	400	
170	N08.00.160	Đầu đo huyết áp dùng 1 lần	chiếc/bộ	Bộ đo huyết áp xâm lấn được dùng để đo các loại huyết áp khác nhau như huyết áp động mạch, huyết áp tĩnh mạch trung tâm và huyết áp động mạch phổi.tương thích với máy Cetus x 15	100	
171	N08.00.190	Đầu côn 10 ul có lọc	hộp	Phù hợp cho tất cả Micropipet sử dụng cho ứng dụng trong ngành y học. Bám dính thấp có chia vạch có màng lọc, vô trùng	500	
172	N08.00.190	Đầu côn 20 ul có lọc	hộp	Phù hợp cho tất cả Micropipet sử dụng cho ứng dụng trong ngành y học. Bám dính thấp có chia vạch có màng lọc, vô trùng	100	
173	N08.00.190	Đầu côn 1000ul có lọc	hộp	Phù hợp cho tất cả Micropipet sử dụng cho ứng dụng trong ngành y học. Bám dính thấp có chia vạch có màng lọc, vô trùng	2.000	
174	N08.00.190	Đầu côn 200 ul có lọc	hộp	Phù hợp cho tất cả Micropipet sử dụng cho ứng dụng trong ngành y học. Bám dính thấp có chia vạch có màng lọc, vô trùng	1.500	
175	N08.00.190	Đầu côn 100 ul có lọc	hộp	Phù hợp cho tất cả Micropipet sử dụng cho ứng dụng trong ngành y học. Bám dính thấp có chia vạch có màng lọc, vô trùng	1.500	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
176	N08.00.190	Đầu côn vàng	Cái	Đầu pipet bằng nhựa, có rãnh, màu vàng, dùng cho pipet 0µl- 200µl phù hợp với các loại Micropipet của viện đang sử dụng. Thể tích 200µl. Đóng gói: 1.000 cái/ túi Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	200.000	
177	N08.00.190	Đầu côn xanh	cái	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	100.000	
178	N08.00.240	Que đê lưới gỗ	Cái	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, không cong vênh. Đạt độ an toàn cao trong sử dụng mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Kính thước: 150mm x 20mm x 2mm.	180.000	
179	N08.00.260	Clip kẹp mạch máu Polymer cỡ L	Cái	Chất liệu Polymer. Đỉnh clip thiết kế hình chữ V giúp dễ dàng đóng/chốt, có nhiều mép răng sắc nét tạo độ bám dính Hệ thống vỏ hộp (cartridge) chứa barium tăng cường khả năng nhận diện, chân đế có băng dính giúp dính lên trên bề mặt vô trùng. Kẹp được mạch máu cỡ 3mm đến 10mm (với clip cỡ ML), 5mm đến 13mm (Clip cỡ L), 7mm đến 16mm (Clip cỡ XL).	3.000	
180	N08.00.310	Mask ambu các cỡ	cái / chiếc	Mask gây mê thiết kế đặc biệt chống gây rò rỉ trong quá trình gây mê. * 100% silicone y tế không mùi, chống dị ứng * Thiết kế trong suốt dễ theo dõi * Ống nối thông dụng 22mm * Dùng nhiều lần, hấp tại nhiệt độ 134 độ C * Thích hợp cho tất cả bệnh nhân với 5 size cỡ khác nhau	400	
181	N08.00.310	Mask khí dung (mặt nạ xông khí dung)	cái / chiếc	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	21.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
182	N08.00.311	Mask oxy bao gồm: Mặt nạ + dây nối	Cái/ chiếc	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 	10.000	
183	N08.00.330	Mũi khoan tròn to	cái	Đây là mũi khoan nha khoa với chuôi bằng thép không gỉ	50	
184	N08.00.350	Phin lọc khuẩn của máy đo chức năng hô hấp Vyntus PNEUMO	Cái	Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tinh điện chất lượng cao, là vật liệu kỵ nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus.. Đường kính trong và đường kính ngoài đầu cắm vào máy, đường kính ngoài ống ngậm cho bệnh nhân tương thích với từng loại máy khác nhau.	200	
185	N08.00.350	Phin lọc vi khuẩn và vi rút dây máy thở	cái	Bộ lọc khuẩn 2 chức năng với cổng lấy khí, chỉ dẫn lâm sàng: Gây mê ngắn dung tích chịu nén 47m, mức dung tích nhờ nhất 200ml, lực cản dòng chảy tại 60 LPM, hiệu quả lọc 99,99%	2.100	
186	N08.00.260	Clip titan (M)	Cái	Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3.7-5,4-9,0-12,3mm	20	
187	N08.00.260	Clip titan (S)	Cái	Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3.7-5,4-9,0-12,3mm	20	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
188	N08.00.420	Dung dịch bảo quản tạng HTK, dung tích 1000ml	Túi	Thành phần: 1000ml dung dịch có chứa:• Sodium chloride 0.8766 g 15.0 mmol/l•Potassium chloride 0.6710g 9.0 mmol/l• Magnesium chloride.6H2O 0.8132g 4.0 mmol/l• Histidine hydrochloride.H2O 3.7733g 18.0 mmol/l• Histidine 27.9289g 180.0 mmol/l•Tryptophan 0.4085 g 2.0 mmol/l•Mannitol5.4651 g 30.0 mmol/l•Calcium chloride.2H2O 0.0022 g 0.015 mmol/l•Potassium hydrogen 2-oxopentadioate 0.1842 g 1.0 mmol/l(Tên đồng nghĩa Potassium hydrogen 2-ketoglutarate)•Potassium hydroxide 2N to pH adjustment q.s.•Nước tiêm q.s. 1000ml-Tính chất vật lý: pH: 7.02-7.20 tại 25°C; 7.40-7.45 tại 4°C; Thẩm thấu: 310 mOsm/kg.	20	
		Hàng ngoài TT 04/2017				
189		Âm kế	cái	Kích thước: (Ø x D): 129 x 30 mm- Độ ẩm: 20% - 100%- Vạch chia: 1 độ C và 2% - Độ chính xác nhiệt độ: ±1 độ C (trong phạm vi 10 - 30 độ C) ±2 độ C (trong phạm vi khác) - Độ chính xác độ ẩm: ±5% (trong phạm vi 40 -70%) ±9% (trong phạm vi khác)	6	
190		Ambu bóp bóng các cỡ	Cái	Chất liệu nhựa y tế, có van bơm khí. Kích cỡ người lớn, trẻ em. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Túi 01 cái.	150	
191		Băng đo huyết áp monitor các cỡ	Cái	Bao đo huyết áp người lớn dùng nhiều lần: - Túi hơi đo huyết áp rộng 7cm, 10cm, 13 cm - Phù hợp với chu vi từ 23 - 33cm - Không có latex - Có thể tháo rời bao vải và túi hơi để vệ sinh bằng chất tẩy rửa hoặc nước. - Bao đo huyết áp bao gồm đầu nối phù hợp với cáp đo huyết áp. - Tương thích với máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden đang sử dụng tại bệnh viện. - Thời gian bảo hành: 06 tháng tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu.	50	
192		Bát inox ø8	cái	Chất liệu Inox đường kính 8cm	60	
193		Bình làm ấm oxy	cái	Thân bình làm bằng Polyethylene. Dung tích từ 150ml trở lên. Sử dụng được nhiều lần. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	20	
194		Bộ chích chấp	Bộ	Phù hợp với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	2	
195		Cáp điện tim (dùng cho máy điện tim 6 cần)	cái	Phù hợp với máy điện tim 6 cần Nihon kohdel	4	
196		Cán dao mổ	cái	Chất liệu: Thép k ghi cùng công nghệ cao sử dụng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO	20	
197		Cốc thủy tinh có mỏ 500ml	Cái	Chất liệu thủy tinh dung tích 500ml	5	
198		Cốc thủy tinh có mỏ 1000ml	cái	Chất liệu thủy tinh dung tích 1000ml	5	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
199		Curret mũi	cái	Bằng thép kkhông ghi Phù hợp với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	5	
200		Curret tai	cái	Bằng thép kkhông ghi Phù hợp với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	5	
201		Dao trích màng nhĩ	cái	Bằng thép kkhông ghi Phù hợp với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	5	
202		Dây nối dụng cụ cắt đốt nội soi đơn cực	Cái	Dùng để cắt trong phòng gây mê	10	
203		Gương nha khoa có cán	cái	Cán chất liệu thép không gỉ. Mặt gương một đầu có gen vắn vào cán có thể tháo rời	60	
204		Giá cầm pipet 6 vị trí tròn xoay	chiếc	Giá để Pipet 6 vị trí tròn xoay	5	
205		Bộ giá đỡ đầu đo huyết áp động mạch	Cái	Làm bằng nhựa cứng, dùng để giá treo đầu đo IBP. Mỗi giá treo được 4 đầu IBP; hoặc tương đương với sản phẩm của hãng sản xuất Merit ISO13485:2016	50	
206		Hộp đựng bông cotton	cái	Chất liệu inox hấp sấy được	100	
207		Hộp hấp (Inox) ϕ 20x16cm	cái	Chất liệu Inox 201 kích thước đường kính 20cm cao 16cm	20	
208		Hộp hấp, loại tròn, ϕ 30 cm	cái	Hộp hấp có lỗ đường kính 30x18,5 cm dùng hấp bông, dụng cụ y tế...	20	
209		Hộp đựng dụng cụ 10x20	cái	Chất liệu INOX, KT 10x20 cm	50	
210		Huyết áp trẻ lớn	cái	Huyết áp cơ ALPK2 . Mặt đồng hồ làm bằng kính chịu lực cao cấp , 1 quả bóp bằng cao su , van xả mạt bằng Crom nhằm chống oxy hóa và độ bền cao, Đồng hồ hiện thị kết quả chính xác vạch chia từ 20~ 300 mmhg độ chính xác cao	30	
211		Huyết áp trẻ em	cái	Huyết áp cơ ALPK2 . Mặt đồng hồ làm bằng kính chịu lực cao cấp , 1 quả bóp bằng cao su , van xả mạt bằng Crom nhằm chống oxy hóa và độ bền cao, Đồng hồ hiện thị kết quả chính xác vạch chia từ 20~ 300 mmhg độ chính xác cao	30	
212		Kéo cắt chỉ 11cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
213		Kéo thẳng 12cm (nhọn)	cái	Chất liệu thép không gỉ	100	
214		Kéo các loại 16cm (cong)	cái	Chất liệu thép không gỉ	30	
215		Kéo thẳng 16 cm (nhọn)	Cái	Chất liệu thép không gỉ	150	
216		Kẹp không máu cong 16cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
217		Kẹp có máu thẳng 16cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
218		Kẹp mạch máu có máu 16cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	20	
219		Kẹp không máu thẳng 16cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ	150	
220		Kẹp phẫu tích 14 cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	100	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
221		Kẹp phẫu tích có máu, không máu 16 cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
222		Kẹp sãng	Cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
223		Kẹp mạch máu không máu 16cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
224		Khay Inox 20x30cm	cái	Chất liệu Inox kích cỡ 22cm x 30cm	50	
225		Khay Inox 32x42cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
226		Khay quả đậu	cái	Khay hạt đậu Nông Chất liệu: Inox 304	150	
227		Khay quả đậu inox, loại sâu lòng	cái	Khay hạt đậu sâu Chất liệu: Inox 304	150	
228		Kim kẹp sãng 16cm	cái	Chất liệu thép không gỉ	150	
229		Kim mang kim	cái	Chất liệu thép không gỉ	50	
230		Pank vi phẫu (pank cá sấu)	Cái	Chất liệu thép không gỉ	10	
231		Lọ nút mài 100ml	cái	Chất liệu thủy tinh trung tính có nút thủy tinh được mài nhám dung tích 100ml	150	
232		Lọ thủy tinh nút mài 500ml	lọ	Chất liệu thủy tinh trung tính có nút thủy tinh được mài nhám dung tích 500ml	20	
233		Móc lấy dị vật mũi	cái	Dùng lấy dị vật phù hợp cho trẻ em	20	
234		Nạo ngà loại vừa	Cái	Chất liệu inox	20	
235		Nia nha	Cái	chất liệu inox phù hợp với bệnh nhân nhi	20	
236		Nhiệt kế 42°	cái	Nhiệt kế thủy ngân có thể đo nhiệt độ cơ thể đến 42 độ C	1.500	
237		ống cắm panh inox	cái	Chất liệu Inox được thiết kế hình trụ có đế	50	
238		Ống hút mũi	Cái	Làm từ inox, không gỉ, phù hợp dùng trong y tế	5	
239		Ống hút tai	Cái	Làm từ inox, không gỉ, phù hợp dùng trong y tế	10	
240		Ống nghe	cái	Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hóa. Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng Aluminum Màng khuếch đại có độ nhạy cao	50	
241		Pank vi phẫu (pank cá sấu)	Cái	Chất liệu thép không gỉ ³⁴	3	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
242		Pank cô ngỗng (lấy dị vật họng)	Cái	Chất liệu thép không gỉ	1	
243		Pipet thủy tinh 5ml có định mức	chiếc	chất liệu thủy tinh dung tích 5ml có vạch	3	
244		Pipet thể tích thay đổi từ 2-20 μ l	cái	Độ chính xác tương ứng ở 20 μ l là $\pm 0.2\mu$ l ($\pm 1.0\%$). Sai số tương ứng ở 20 μ l là 0.06 μ l ($\pm 0.3\%$)	1	
245		Que lấy dáy tai	cái	Chất liệu inox	5	
246		Bàn chải đánh tay	cái	Kích thước 4x10cm, đầu lông mềm. Đóng gói 1 cái/hộp. Đạt TC ISO 13485:2016, EC.	100	
247		Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt	Cuộn	Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Vạch chỉ thị sẽ chuyển từ màu vàng sang màu đậm hơn và đen sau khi qua tiệt khuẩn bằng	250	
248		Băng đeo tay có bảng tên dùng cho bệnh nhân các số	cái	<p>Chất liệu: + Được làm bằng chất liệu nhựa mềm, dẻo, có độ bám mực tốt, không bị phai màu mực khi tiếp xúc với nước, không gây tổn thương da, không thấm nước, chống vi khuẩn và không gây kích ứng cho da.</p> <p>- Kích thước: + Kích thước vòng: Chiều dài khoảng 200mm \pm 30mm. + Kích thước vùng ghi thông tin: Trên vòng có một khoảng trống để ghi thông tin với chiều dài 60 \pm 2mm.</p> <p>- Tiêu chí đặc thù: + Màu sắc: Xanh, hồng. + Bề mặt và cạnh của vòng trơn nhẵn, không gây tổn thương da + Trên vòng có lỗ bấm để gắn nút gài nhằm tăng giảm kích thước theo cỡ tay người sử dụng. + Nút bấm gài dễ bấm và chỉ đóng 1 lần duy nhất, không thể tháo ra và đóng lại lần 2 (gài chết) + Nội dung trên vòng tay gồm các thông tin: Họ tên, ngày tháng năm sinh (viết tắt: NS), mã số người bệnh (viết tắt: MSNB) và khoa, giới tính, ngày vào viện, phòng mổ khoảng trống của các thông tin đủ để ghi. + Có thể dùng mọi loại bút để ghi thông tin lên vòng và khó xóa.</p>	10.000	
249		Bóng đèn hồng ngoại (220V-250W)	chiếc	Điện áp 220v công suất 250w	20	
250		Photometer Lamp MU988800	cái	Bóng đèn Halogen 12V 20W 35	30	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
251		Bóng bóp silicon 0.5 lít	Cái	Chất liệu bằng Silicon dung tích 0,5 lít	6	
252		Bóng bóp silicon 1.0 lít	Cái	Chất liệu bằng Silicon dung tích 1 lít	1	
253		Bóng bóp silicon 2.0 lít	Cái	Chất liệu bằng Silicon dung tích 2 lít	1	
254		Bình khí EO	binh	Bình khí 100% khí EO, 170 gram. Sử dụng 1 bình/mê. Sử dụng với máy 3M tm Steri Vac tm Sử dụng đơn liều an toàn, giúp giảm nguy cơ rò rỉ khí và phơi nhiễm EO Thiết kế an toàn cho người vận hành dễ sử dụng, tiết kiệm chi phí và hiệu quả có mã vạch 2D được mã hóa sản phẩm, số lô, hạn sử dụng và trọng lượng của bình. HSD 5 năm	700	
255		Châm gai	vi	Loại bỏ mô chết trong ống tủy. Dùng cho chuyên khoa răng	30	
256		Chỉ thị hóa học sử dụng hấp ướt 1243A	test	Chỉ thị hóa học Type 5 cho hấp ướt. Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiệt khuẩn có đạt không. Đo lường các thông số của quá trình tiệt khuẩn là thời gian, nhiệt độ và hơi nước. Thanh giấy có chất chỉ thị hóa học dạng Vạch màu dịch chuyển giúp dễ dàng nhận biết và kiểm chứng kết quả, có thể viết lên trên bề mặt Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485:2016, FDA	12.000	
257		Chỉ thị hóa học cho hấp EO 1251	cái	Chỉ thị hóa học dùng cho quy trình tiệt khuẩn bằng khí EO 100% hoặc hỗn hợp khí EO. Vạch màu thay đổi từ màu đỏ sang màu xanh lá sau khi qua tiệt khuẩn. Chỉ thị hóa học 3M TM Comply TM EO (ethylene oxide) đặt bên trong gói, nhằm kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn với khí EO. Phản ánh các thông số tiệt khuẩn: Thời gian - Nhiệt độ trong quá trình tiệt khuẩn để đánh giá kết quả tiệt khuẩn có đạt hay không Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485:2016; FDA	5.000	
258		Chỉ thị hóa học cho hấp EO 1250	cái	Chỉ thị hóa học Type 4 cho hấp ướt với chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C-134°C. . Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiệt khuẩn có đạt không. Kích thước: 1,5 cm x 20 cm. Vạch màu trắng sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua Tiệt khuẩn. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485:2016; FDA	6.000	
259		Cl-electrode (điện cực Cl)	cái	Bảo quản 0-40 độ C, cần thay thế sau 40.000 xét nghiệm hoặc 6 tháng	6	
260		Na electrode (điện cực Na)	cái	Bảo quản 0-40 độ C, cần thay thế sau 40.000 xét nghiệm hoặc 6 tháng	6	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
261		K electrode (điện cực K)	cái	Bảo quản 0-40 độ C, độ ẩm 15-95%, tránh ánh sáng trực tiếp, cần thay thế sau 40.000 xét nghiệm hoặc 6 tháng	6	
262		Điện cực -pH (PH- electrode for gastas)	Chiếc	Điện cực pH, tương thích với máy khí máu. Xét nghiệm được thực hiện trên phương pháp đo điện thế Điện cực ổn định trong 20 tháng kể từ ngày sản xuất"	5	
263		Cuvette Rack	Thanh	Cồng đo mẫu 1 hộp 20 thanh, 1 thanh 29 racks, 1 racks 4 cuvet làm được 4 xét nghiệm khác nhau.	1.500	
264		Dây curoa cho băng chuyền máy nước tiểu Combi scan 500	Túi	bộ dây bằng cao su, Dây curoa cho băng chuyền máy nước tiểu Combi scan500	3	
265		Bộ dây máy gây mê trẻ em	bộ	Bao gồm: đoạn dây dài 1m2; 01 nút chữ Y; nút an toàn; 02 bể nước; đoạn dây dài 0,6m; 02 nút thẳng 22M - 22M... Hàng đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	
266		Giá đỡ bộ dẫn truyền cảm ứng của đầu đo huyết áp	cái	Làm bằng nhựa cứng, dùng để giá treo đầu đo IBP. Mỗi giá treo được 4 đầu IBP; hoặc tương đương với sản phẩm của hãng sản xuất Merit ISO13485:2016	5	
267		Lọ nút mài 100ml	cái	Chai thủy tinh nút mài 100 ml	100	
268		Chai thủy tinh trung tính nắp vặn xanh 1l	cái	Pha môi trường nuôi cấy vi khuẩn	12	
269		Đèn cồn thủy tinh	cái	Đèn cồn trong phòng thí nghiệm	2	
270		Dây dẫn cứng Amplatzm Super Stiff	Cái	Dây Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp PTFE. - Tăng cường khả năng chống xoắn giảm khả năng chống gấp khúc - Chiều dài của phần đầu linh hoạt 3cm ± 10% - Chất lượng lõi ổn định mô-men - Đường kính: 0.035". Chiều dài 260cm. - Cấu hình đầu tip: đầu thẳng hoặc đầu cong hình chữ J. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.	20	
271		Dây garo	cái	Chất liệu thun cotton, co giãn tốt. * Có gai dán.	50	
272		Đĩa Petri nhựa VT 90x15mm	Cái	Nguyên liệu nhựa nguyên sinh GPPS trong suốt không mùi đường kính 90mm loại 1 ngăn tiệt trùng	40.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
273		Dây nối điện cực máy điện não	bộ	dùng để kết nối các điện cực với máy điện não phù hợp máy Nihonkohden	1	
274		Dũa ống tủy	cái	Là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Dùng cho chuyên khoa răng	30	
275		Giấy điện tim 6 cần	Tập/gói	Kích thước 110mm * 140mm * 143 tờ, chất liệu bằng giấy in nhiệt, loại không có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần hãng Nihon Koden, Fukuda - Dạng tập. Có bao bì bảo vệ. Quy cách: 60 tập/thùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	490	
276		Giấy in nhiệt 5cm	cuộn	Kích thước 5cmĐộ nét cao khi in. Không có chất phụ gia gây mòn đầu in	30	
277		Giấy in nhiệt 8cm	cuộn	Kích thước 8 cmĐộ nét cao khi in. Không có chất phụ gia gây mòn đầu in	20	
278		Giấy in nhiệt 7cm	Cuộn	Kích thước 7 cmĐộ nét cao khi in. Không có chất phụ gia gây mòn đầu in	25	
279		Giấy in EO	cuộn	Giấy in dùng chung cho máy tiệt khuẩn EO 3M Steri-Vac như 8XL, và 5XL. In các thông tin, dữ liệu vận hành của máy. Kích thước : 79 mm x 30m.	24	
280		Giấy siêu âm đen trắng	Cuộn	Dạng cuộn, chiều rộng 110mm, chiều dài 20m. - Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony - Đựng trong túi thiếc bảo quản - Giải màu xám hiện thị rõ nét với độ phân giải cao, độ bền hình ảnh tốt, in ra bản in tương đương với bản gốc, độ phân giải cao - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485, EC - Hàng mới 100%,	600	
281		Giấy thấm (không mủn)	tập	Giấy 02 lớp, bề mặt giấy có nhám xấp dạng hoa văn hình quả trám, xếp so le.	74	
282		Khẩu trang y tế	cái	Khẩu trang giấy y tế gồm 4 lớp, trong đó có 2 lớp vải không dệt lớp ở giữa là lớp giấy lọc, lớp trong cùng là giấy kháng khuẩn, có nẹp mũi, có dây thun móc tai hoặc có dây buộc; Hiệu suất lọc bụi (PEE): > 97%; Áp lực thở < 20mmHg; Hiệu suất vi khuẩn: > 97%	300.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
283		Lam kính	Hộp	Nguyên liệu kính trung tính đạt chuẩn • Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính. Loại nhám.	1.000	
284		Lamen	Hộp	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	350	
285		Lentulo	hộp	Sử dụng để quay xi măng hoặc thuốc vào ống tủy. Thiết kế thuận đều với phần lò xo gắn vào cán giúp giảm chấn động khi quay. Dụng cụ làm tủy răng, đầu trám thép không gỉ, cán nhựa	20	
286		Mặt gương	cái	Cán chất liệu thép không gỉ. Mặt gương một đầu có gen vắn vào cán có thể tháo rời	60	
287		MIXING ROD	Hộp	Làm từ nhựa và kim loại, dài 4.3 cm	2	
288		Que Khuấy Mixing bar (L shape)	Hộp	Que khuấy dạng L, phủ Teflon, dài 7.7cm	2	
289		Mixing bar - Spiral (que khuấy)	Hộp	Que Khuấy Mixing bar - Spiral (que khuấy)	2	
290		Mũ điện não	chiếc	Làm bằng chất liệu silicon y tế, dây điều chỉnh kích cỡ phù hợp với đầu bệnh nhân	2	
291		Mũ giấy	cái	Làm từ vải không dệt Polypropylen cao cấp, màu xanh đều không loang bầm không dính tạp chất không kích ứng da 2,9g-3,8g/1cái Độ dẫn tốt đạt chuẩn ISO 13485-2016 Chứng nhận GMP,CE	150.000	
292		Nong tủy các cỡ	Hộp	là dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy. Dùng cho chuyên khoa răng	30	
293		Ủng giấy	đôi	Được làm từ vải không dệt, dùng 1 lần, tiệt trùng bằng khí EO	3.000	
294		Tuýp Eppendorf 0,5 ml	Cái	Ống nhựa làm bằng nhựa PP, có nắp liền thân có vạch chia thể tích tối đa 0,5ml	100.000	
295		Tuýp Eppendorf 1.5ml	Cái	Ống nhựa làm bằng nhựa PP, có nắp liền thân có vạch chia thể tích tối đa 1,5ml	100.000	
296		Ống nghiệm thủy tinh (7cm)	Cái	Chất liệu thủy tinh. Dùng làm xét nghiệm nhóm máu	5.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
297		ống nghiệm thủy tinh 12 x1,2	Cái	Chất liệu thủy tinh. Kích thước 12cm x12mm	5.000	
298		Ống nghiệm tiệt trùng 15ml đáy nhọn	cái	Chất liệu nhựa có nắp đã tiệt trùng	500	
299		Ống nghiệm serum hạt đục	Cái	Ống nghiệm nhựa P/P trung tính, kích thước 12x 75mm, thể tích 5ml, nắp màu đỏ, giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3-5 phút, dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch, đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, có giấy chứng nhận phân tích của Eurofins chứng minh ống nghiệm nhựa chịu được lực quay ly tâm 3000 vòng/phút trong thời gian 5 phút.	2.400	
300		Pipet nhựa 3ml	Bịch	Dung tích 3ml. Chất liệu nhựa y tế Pipet nhựa trong suốt, Bầu hút mềm. Bề mặt trong trơn, nhãn có chia vạch định lượng. Chiều dài \geq 15cm	50	
301		Bộ ống dây bơm (PUMP TUBE SET for GASTAT-18XX)	túi	Bộ ống dây bơm. Tương thích với máy GASTAT 1800 series	5	
302		Điện cực PO2 (PO2 Electrode)	Chiếc	Điện cực pO2, tương thích với máy khí máu Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp điện cực Clark. Điện cực ổn định	4	
303		Điện cực PCO2 (PCO2 ELECTRODE)	Chiếc	Điện cực pCO2, tương thích với máy khí máu Xét nghiệm được thực hiện dựa trên phương pháp điện cực Severinghaus. Điện cực ổn định trong 18 tháng kể từ ngày sản xuất	4	
304		Plate ECO	hộp	Vật tư máy PCR đo tải lượng viruts. SP đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003	5	
305		Hb Electrode for gastat	Chiếc	Điện cực Hemoglobin dùng để đo hemoglobin bằng cách đo độ hấp thụ của hai bước sóng hồng ngoại.	5	
306		Que cấy tiệt trùng 1 μ l	Cái	Nguyên liệu nhựa ABS, đầu que cấy 1 μ l . Tiệt trùng bằng chiếu xạ tia gamma. Đóng gói túi 2 cái	80.000	
307		Que cấy tiệt trùng 10 μ l	Cái	Nguyên liệu nhựa ABS, đầu que cấy 10 μ l. Tiệt trùng bằng chiếu xạ tia gamma. Đóng gói túi 2 cái	30.000	
308		Dây bơm nhu động (Roller Tubing MU962300)	túi	Làm bằng cao su và nhựa, dài 10.5 cm	45	
309		REF Electrode body for GASTAT	Chiếc	Vỏ điện cực tham chiếu tương thích với máy khí máu Gastat 18xxx	4	
310		R SYRINGE	hộp	Được làm từ nhựa, thủy tinh kim loại, dài 9 cm. Dùng để hút chính xác thể hóa chất	4	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
311		SE SYRINGE	Hộp	Xy-lanh hút điện giải máy AU680	2	
312		Cốc đựng mẫu (Sample cup 0.5ml)	Túi	Thành phần: Polystyrene	5	
313		Cốc đựng mẫu 2ml (Sample cup 2.0ml - 110621)	Túi	Thành phần: Polystyrene	4	
314		Cốc đựng mẫu 3ml (Sample cup 3ml)	Túi	Thành phần: Polystyrene	20	
315		Vòi hút mẫu (Sample nozzle for gastat - 18XX - 128603)	Chiếc	Vòi hút mẫu từ ống chứa mẫu. Tương thích với máy khí máu GASTAT 1800 series	10	
316		Cổng Nhận Mẫu (Sample port for gastat-18XX)	chiếc	Cổng nhận mẫu. Tương thích với máy khí máu GASTAT 1800 series	10	
317		Reagent syring (mã ZM0112)	hộp	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 9 cm. Dùng để hút chính xác thể hóa chất	4	
318		Reagent probe MU9958	chiếc	Vật tư phù hợp với máy	4	
319		Sample syring (mã ZM0111)	hộp	Xylanh hút mẫu bệnh phẩm	2	
320		Sample probe MU 9934 3ml	chiếc	Cổng nhận mẫu. Tương thích với máy khí máu GASTAT 18xx	2	
321		ISE syringe	Cái	Vật tư phù hợp với máy	4	
322		Tăm bông inox	cái	Làm bằng inox	130	
323		Tấm dán Eco	hộp	Vật tư máy PCR đo tải lượng viruts. SP đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003	5	
324		Thông nòng ống nội khí quản	cái	Chất liệu thép không gỉ phù hợp với bệnh nhân nhỏ	20	
325		Thông nòng tĩnh mạch rốn 14cm	cái	Chất liệu thép không gỉ phù hợp với bệnh nhân nhỏ	6	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
326		Ống eppendorf 1.5 ml loại vô trùng	hộp	Ống eppendorf 1.5 ml là dạng ống nghiệm được sử dụng phổ biến nhất trong các phòng thí nghiệm sinh học và y học. Đặc biệt các phòng sinh học phân tử không thể thiếu loại ống này cho các quy trình thí nghiệm quan trọng. Ống eppendorf 1.5 ml là dạng ống đáy nhọn với thể tích chứa dịch tối đa là 1.5ml. Do thiết kế tối ưu nên việc sử dụng ống eppendorf 1.5 ml để thu cặn tế bào, thu căn ADN hoặc protein qua quá trình ly tâm rất hiệu quả. Đồng thời, ống này có nắp chặt đảm bảo không nhiễm bẩn và làm dây dịch ra bên ngoài. Có nhiều loại ống eppendorf 1.5 ml khác nhau được các hãng sản xuất chào bán trên thị trường như: ống vô trùng, ống free ADN và ARN, kiểu nắp ống... Tùy vào yêu cầu của thí nghiệm các bạn có thể lựa chọn loại sản phẩm thích hợp cho phòng lab của mình.	120	
327		Tube nhựa vô trùng có nắp 15ml	cái	Tuýp nhựa 5ml có đế đã được tiệt trùng có nắp nhựa	100	
328		Tube nhựa vô trùng có nắp 5ml	Cái	Ống nghiệm nhựa 5ml, có nắp, KT 12x75mm, tiệt trùng túi 25 cái, nhựa PS	111.000	
329		Tube Peri Pump 2.79mm	túi	Vật tư phù hợp với máy	5	
330		Tube Pump 1.29mm	túi	Vật tư phù hợp với máy	5	
331		TUBING KIT for GASTAT	Bộ	Bộ ống dây dẫn. Tương thích với máy GASTAT 1800 series	5	
332		Dài 8 ống 0,2ml cho máy Real-time PCR	Hộp	Tuýp PCR 0.2ml, 8-strip, nắp bằng, bao gồm 125 Strips tube/bao+125 Strips cap/bao, không RNase & Dnase, endotoxin	10	
333		Ống đo tốc độ máu lắng (Henso)	ống	Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm. Thể tích lấy máu: 1.28ml. Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2%. Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác. Đóng gói: 100 ống/ khay. Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống. Với công nghệ phun sương hóa chất đều trên thành ống.	2.000	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
334		Bộ khăn áo phẫu thuật tim hở	Bộ	<p>1 x Khăn trải bàn dụng cụ 200x300cm, 1 x Khăn mỡ tim 260x380cm, được cấu tạo từ vải không dệt cao cấp 6 lớp SSMMMS, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.. 1 x Khăn đa dụng 15x30cm, chất liệu vải 130gsm thấm hút cao 4 x Khăn có keo 60x90cm, chất liệu vải không dệt 5 lớp chống thấm nước, chống cồn, chống tĩnh điện với băng keo y tế. 1 x Khăn có lỗ tròn 50x60cm 1 x Khăn phủ dụng cụ 150x160cm, được cấu tạo từ màng plasstic trong 40micron. 2 x Túi dụng cụ 35x40cm. Cấu tạo từ plastic trong, có băng keo đầu. 6 x Băng keo OP 10x50cm không gây kích ứng da, 4 x Khăn thấm 30x40cm 7 áo phẫu thuật chất liệu vải không dệt 6 lớp SSMMMS 50gsm gia cố thân phía trước 1 lớp chống thấm đảm bảo không thấm dịch và chất bẩn vào phía trong. Qui cách đóng gói: đóng gói tiệt trùng riêng 7 áo phẫu thuật với bộ khăn mỡ tim riêng. Đảm bảo yêu cầu về độ dính của lớp băng keo chặt, bám dính tốt, khó tách rời. Đạt tiêu chuẩn AAMI level3. Sản phẩm được sản xuất trong môi trường phòng sạch đạt chuẩn class 8 Đạt chứng nhận chất lượng ISO 13485, CE</p>	20	
335		Kẹp phẫu tích 11cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ	10	
336		Chi thị sinh học 1492-Bi máy hấp tiệt khuẩn hơi nước	ống	Chỉ báo sinh học đọc nhanh siêu nhanh 3M™ Attest™ 1492V là chỉ số sinh học tự chứa được thiết kế đặc biệt để kiểm tra chất lượng nhanh chóng và đáng tin cậy và theo dõi thường xuyên đối với động lực 270 ° F (132 ° C) và 275 ° F (135 ° C) Các quy trình khử trùng hơi nước -removal (pre-châm không và áp suất xả hơi	720	
337		Chi thị sinh học 1294-Bi máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp khí EO	ống	Ống Chi thị sinh học 4 giờ, nắp màu xanh lá. Dùng kiểm tra tiệt khuẩn với khí Ethylene Oxide. Ống chỉ thị sinh học dành cho tiệt khuẩn EO, vạch chỉ thị hóa học trên nhãn chuyển sang màu xanh lá sau khi qua tiệt khuẩn. Sau khi tiệt khuẩn, làm vỡ ống dịch môi trường nuôi cấy để nuôi cấy bào tử rồi ủ - đọc kết quả sau 4 giờ ủ với máy 390G.	360	
338		Kẹp khuỷu 14cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ	5	
339		Kẹp khuỷu 16 cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ	5	
340		Miếng cầm máu mũi	Miếng	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate	50	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
341		Băng huyết áp máy Monitor Cetus 15 các cỡ	cái	Băng huyết áp tương thích với Monitor Cetus 15	10	
342		Thòng lọng		Multi-Snare® là thiết bị bắt dị vật dùng trong X quang can thiệp và tim mạch. Thiết kế mặt phẳng kép giúp bắt dị vật hiệu quả từ bất kể hướng nào. Multi-Snare®: thích hợp cho các mạch máu trung bình và mạch máu lớn. Multi-Snare® Micro: thích hợp cho các mạch máu nhỏ	5	
343		Bóng nong van động mạch phôi trẻ nhỏ các cỡ	Cái	Bóng nong có đầu tít và vai bóng ngăn ngừa tổn thương mô và nòng mạch. Bóng được làm bằng chất liệu polyamid để đảm bảo giãn nở ổn định. Có 2 điểm chấn bức xạ giúp định vị bóng dễ dàng. Kích thước đường kính bóng: 4, 6, 8, 10, 12, 18, 20mm, chiều dài 20 và 30mm. Áp lực thường đối với bóng đường kính 4,6,8mm: 355kpa/3,5atm. Áp lực tối đa đối với bóng đường kính 4,6,8mm: 405kpa/4,0atm. Áp lực thường đối với bóng đường kính 10, 12mm: 304kpa/3,0atm. Áp lực tối đa đối với bóng đường kính 10, 12mm: 355kpa/3,5atm. Áp lực thường đối với bóng đường kính 18mm: 253kpa/2,5atm. Áp lực tối đa đối với bóng đường kính 18mm: 304kpa/3,0atm. Áp lực thường đối với bóng đường kính 20mm: 203kpa/2,0atm. Áp lực tối đa đối với bóng đường kính 20mm: 253kpa/2,5atm. Đường kính sheath siêu nhỏ: 3Fr. Dây dẫn tương thích: 0,014 inch với các đường kính bóng 4-10mm; 0,018 inch với kích thước bóng 12mm' 0,035 inch đối với bóng đường kính 18,20 mm.	10	
344		Bộ thiết bị bơm bóng và bộ kết nối chữ Y (Bơm bóng áp lực)		Bộ bơm áp lực cao thiết kế nhỏ gọn, tối ưu hóa kết nối với van cầm máu giúp tối thiểu hóa việc rui ro chảy máu trở lại, thiết kế đơn giản (Loại Ergonomic với cơ chế khóa tự động) - Áp lực: 30atm/bar. Thể tích xy - lanh 20, 30 ml. - Đồng hồ bơm chính xác, an toàn, có khả năng phát quang trong điều kiện ánh sáng yếu. - Hệ thống khóa tự động dễ dàng xử lý - Phụ kiện kèm theo: Van cầm máu 9F , bộ kết nối chữ Y có dây nối với chiều dài Dây nối 25 cm – áp lực 1200 psi, 3- way stopcock áp lực 500psi, torque cho đường kính dây dẫn 0.010"- 0.018", Công cụ chèn 10cm - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.	2	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
345		Dây dẫn đường cho catheter ái nước chiều dài 260cm	Cái	<p>Chất liệu Nitinol, phủ lớp Hydrophilic.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường khả năng chống xoắn giảm khả năng chống gấp khúc - Chiều dài của phần đầu linh hoạt 3cm \pm 10% - Chất lượng lõi ổn định mô-men - Đường kính: 0.035" (0.89mm). Chiều dài 260cm. - Cấu hình đầu tip: Thẳng và góc cạnh. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. 	5	
346		Pipette đơn kênh thể tích 30-300 μ L	cái	<p>Thể tích: 300μL. Dài thể tích: 1-300μL. Hiện thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pipette thể tích thay đổi từ 30-300μL. - Độ không chính xác ở 300μL là \pm1,8μL (\pm0,6%). - Độ lệch chuẩn ở 300μL là 0,6μL (0,2%). - Màu sắc: Cam. - Tip tương ứng: Finntip 300, Flex 300. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương. - Đóng gói: 1 cái/hộp 	3	
347		Pipette F1 đơn kênh thể tích 10-100 μ L	cái	<p>Thể tích: 100μL. Dài thể tích: 0,2-100μL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích. - Pipette thể tích thay đổi từ 10-100μL. - Độ không chính xác ở 100μL là \pm0,8μL (\pm0,8%). - Độ lệch chuẩn ở 100μL là 0,2μL (0,2%). - Màu sắc: Vàng - Tip tương ứng: Finntip 250, Flex 200. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương. - Đóng gói: 1 cái/hộp 	3	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
348		Pipette F1 đơn kênh thể tích 5-50 μ L	cái	Dải thể tích: 0,1-50 μ L. Hiển thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích. Pipette thể tích thay đổi từ 5-50 μ L. - Độ không chính xác ở 50 μ L là $\pm 0,3\mu$ L ($\pm 0,6\%$). - Độ lệch chuẩn ở 50 μ L là 0,15 μ L (0,3%). - Màu sắc: Vàng. - Tip tương ứng: Finntip 250, Flex 200. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương. - Đóng gói: 1 cái/hộp	3	
349		Pipet thay đổi thể tích từ 10-100 μ l	cái	Độ chính xác tương ứng ở 100 μ l là $\pm 0.8 \mu$ l ($\pm 0.8\%$) Sai số tương ứng ở $\pm 100\mu$ l là 0.2 μ l ($\pm 0.2\%$)	2	
350		Pipet thay đổi thể tích từ 100-1000 μ l	cái	Pipet thay đổi thể tích điều chỉnh từ 100-1000 μ l Bao gồm 01 pipet thay đổi thể tích đi kèm 01 hộp đầu 96 tips - Đạt các chứng chỉ xét nghiệm IVD conform và TUV - Piston được làm từ chất liệu Fortron đặc biệt siêu nhẹ (sử dụng trong ngành hàng không vũ trụ), chịu được tia UV, nhiệt độ, hóa chất tẩy rửa, nấm mốc, sự mài mòn.... - Khử trùng được toàn bộ pipette mà không cần tháo rời tất cả các bộ phận, do đó hạn chế tối đa sự lây nhiễm chéo đồng thời tiết kiệm thời gian - Dải thể tích: 100-1000 μ l (1/9 dải thể tích khác nhau) - Hiển thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích Sai số + Sai số hệ thống ở 1000 μ l là $\pm 6\mu$ l ($\pm 0,6\%$) Sai số ngẫu nhiên ở 1000 μ l là $\pm 2\mu$ l ($\pm 0,2\%$)	2	
351		Bơm clean dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Túi	Máy xét nghiệm đông máu ACL TOP 550	2	
352		Bóng đèn LED 671NM cho máy xét nghiệm đông máu ACL TOP 550 CTS hoặc tương đương	Túi	Máy xét nghiệm đông máu ACL TOP 550	2	
353		Kim hút mẫu(Probe Aspiration)	túi	Kim để hút mẫu phù hợp với máy	1	
354		Ortho Vission Operator Maintenance Kit	Bộ	vật tư thay thế sử dụng trong bảo dưỡng năm	2	

STT	Mã số tại DM ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/BYT	Tên vật tư y tế	Đơn vị	Mô tả đặc tính kỹ thuật tương đương	Số lượng	Ghi chú
355		Waste Bags 81904-1	Hộp	Túi đựng thải chất liệu Plastic sử dụng cho máy Access 2	10	
356		Kim chọc hút và sinh thiết tủy xương dùng 1 lần	Cái	Kim vừa sinh thiết kiểu lấy mẫu tủy và vừa hút dịch tủy xương. Mũi kim cắt kiểu kim cương, thân kim có khắc cách nhau 1 cm, cán chữ T, có thông kim lấy mẫu, đo độ dài mẫu cần lấy, có bộ phận bảo vệ và khóa xoay. Nòng kim dạng nón thuận về trước, Cỡ từ 7G- 13G, chiều dài từ 5cm - 15cm. Được tiệt trùng	10	
357		Thám châm	cái	dùng để định vị các lỗ ống tủy, có hai đầu dài, nhọn và sắc bén.	30	
358		Bàn chải lưới dao mổ điện (Miếng mài dao điện)	cái	Bàn chải lưới dao mổ điện gồm 1 lớp xốp mềm và 1 lớp giấy ráp, sử dụng để làm sạch tay dao mổ điện trong phẫu thuật. Kích thước khoảng 5mm x5mm	1.000	
359		Bộ khăn trải can thiệp dùng 1 lần	Bộ	1 x Khăn trải bàn 1 x Khăn chụp mạch vành 1 x Bao chụp đầu đèn 1 x Bao kính chắn chì 1 x Bao remote 2 x Khăn thấm 3 x Áo phẫu thuật Bộ khăn đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	80	

359 DANH MỤC